

**TRUNG TÂM PTQĐ TỈNH THÁI NGUYÊN
CHI NHÁNH TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN
QUỸ ĐẤT KHU VỰC II**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1187 /CV-CNTTPTQĐKVII

Đại Phúc, ngày 02 tháng 7 năm 2026

V/v đề nghị phòng Văn hóa xã hội xã Tân Cương
đăng tải công khai Thông báo niêm yết dự thảo
phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án
Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến
đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và
Khu số 2) trên trang Thông tin điện tử của xã Tân
Cương.

Kính gửi:

- UBND xã Tân Cương;
- Phòng Văn hoá xã hội, xã Tân Cương.

Thực hiện Thông báo thu hồi đất số 84/TB-UBND ngày 30/3/2026 của UBND xã Tân Cương về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2).

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II đã phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kê khai, kiểm đếm, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thực hiện niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo các Thông báo cụ thể như sau:

+ Thông báo số 383/TB-CNTTPTQĐ ngày 08/6/2026 và Thông báo số 496/TB-CNTTPTQĐ ngày 29/6/2026 về việc điều chỉnh, bổ sung Thông báo số 383/TB-CNTTPTQĐ ngày 08/6/2026 dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1).

+ Thông báo số 390/TB-CNTTPTQĐ ngày 08/6/2026 và Thông báo số 497/TB-CNTTPTQĐ ngày 29/6/2026 về việc điều chỉnh, bổ sung Thông báo số 390/TB-CNTTPTQĐ ngày 08/6/2026 dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 2).

+ Thông báo số 491/TB-CNTTPTQĐ ngày 26/6/2026 và Thông báo số 513/TB-CNTTPTQĐ ngày 30/6/2026 về việc điều chỉnh, bổ sung Thông báo số 491/TB-CNTTPTQĐ ngày 26/6/2026 dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1).

Căn cứ điểm b Khoản 9 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II đề nghị phòng Văn hóa xã hội xã Tân Cương, đăng tải công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kèm theo các Thông báo số 383/TB-CNTTPTQĐ ngày 08/6/2026; Thông báo số 496/TB-CNTTPTQĐ ngày 29/6/2026; Thông báo số 390/TB-CNTTPTQĐ ngày 08/6/2026; Thông báo số 497/TB-CNTTPTQĐ ngày 29/6/2026; Thông báo số 491/TB-CNTTPTQĐ ngày 26/6/2026 và Thông báo số 513/TB-CNTTPTQĐ ngày 30/6/2026 trên Cổng thông tin điện tử của UBND xã trong thời hạn 10 ngày.

(Có các Thông báo số 383/TB-CNTTPTQĐ ngày 08/6/2026; Thông báo số 496/TB-CNTTPTQĐ ngày 29/6/2026; Thông báo số 390/TB-CNTTPTQĐ ngày 08/6/2026; Thông báo số 497/TB-CNTTPTQĐ ngày 29/6/2026; Thông báo số 491/TB-CNTTPTQĐ ngày 26/6/2026 và Thông báo số 513/TB-CNTTPTQĐ ngày 30/6/2026 kèm theo)

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II đề nghị UBND xã Tân Cương phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: CNTTPTQĐ, Minhdt (03b). *At*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lưu Văn Tuyên

Số: 333 /TB-CNTTPTQĐ

Đại Phúc, ngày 08 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc Niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1)

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Căn cứ Nghị Quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 HĐND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Đơn giá quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Trục đường và các khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên (Địa phận thành phố Sông Công);



Căn cứ Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1);

Căn cứ Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2);

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 1319/TB-UBND ngày 25/4/2022 của UBND thành phố Sông Công để thực hiện dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2);

Căn cứ Thông báo số 198/TB-SNNMT ngày 06/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên thông báo giá gạo tẻ tháng 6 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Thực hiện Thông báo số 83/TB-UBND ngày 23/3/2023 của UBND thành phố Sông Công thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường du lịch Sông Công - Núi Cốc; Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2) (bổ sung);

Thực hiện Thông báo số 408/TB-UBND ngày 21/11/2024 của UBND thành phố Sông Công về việc bổ sung một số tại Thông báo số 1319/TB-UBND ngày 25/4/2022 và Thông báo số 83/TB-UBND ngày 23/3/2023 của UBND thành phố Sông Công;

Thực hiện Thông báo số 84/TB-UBND ngày 30/3/2026 của UBND xã Tân Cương về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1); Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 2);

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 03/4/2026 của Phòng Kinh tế xã Tân Cương và Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II về việc thống nhất giá đất ở bồi thường để thực hiện dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2);

Căn cứ hồ sơ thống kê, kiểm đếm và các giấy tờ pháp lý liên quan;

Sau khi lập xong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai 2024, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1), cụ thể như sau:

I. Nội dung niêm yết:

Toàn bộ dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB trước khi trình thẩm định, phê duyệt của 03 hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi thực hiện dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1), cụ thể:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Tổng diện tích đất thu hồi:

Tổng diện tích đất thu hồi 8.269,0 m² của 03 hộ gia đình, cá nhân.

Trong đó:

- Đất ở tại nông thôn (ONT): 1000,0 m²;
- Đất trồng cây lâu năm (CLN): 6.443,3 m²;
- Đất trồng cây hàng năm khác (BHK): m²;
- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): m²;
- Đất trồng lúa (LUK) 825,7 m²

b) Tổng dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 9.380.163.800 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ, ba trăm tám mươi triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm đồng)

Trong đó:

- Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại: 2.063.267.000 đồng;
- Bồi thường, hỗ trợ tài sản: 4.271.160.000 đồng;
- Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo: 189.100.800 đồng;
- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 1.987.401.000 đồng;
- Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản: 92.000.000 đồng;
- Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất NN trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất NN cùng thửa đất ở đã tách ra khỏi đất ở: 628.200.000 đồng;
- Hỗ trợ gia đình chính sách: đồng;
- Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh: 72.690.000 đồng;
- Thưởng bàn giao mặt bằng đất ở: 40.000.000 đồng;
- Thưởng bàn giao mặt bằng đất NN trước thời hạn: 36.345.000 đồng;
- Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp: 2.060.115.000 đồng

Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước

c) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Các hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu đăng ký hình thức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc. theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Phương án bố trí tái định cư:

- Số hộ gia đình, cá nhân được bố trí tái định cư : 03 hộ gia đình, cá nhân.
- Khu tái định cư, địa điểm khu tái định cư:
- + Khu số 1 (đối với các hộ đã đăng ký có diện tích cụ thể trong phụ lục chi tiết kèm theo; đối với các hộ chưa đăng ký, diện tích cụ thể theo kết quả xét

của Hội đồng xét giao đất tái định cư thành phố trên cơ sở đơn đăng ký của từng hộ);

- Hình thức tái định cư (bằng đất, bằng nhà ở): Bằng đất ở.
- Diện tích đất ở tái định cư được giao (*Có phụ lục kèm theo*).
- Đơn giá tái định cư: Theo giá theo Nghị Quyết 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh quy định trong bảng giá đất.
- Số tiền sử dụng đất người được bố trí tái định cư phải nộp vào ngân sách Nhà nước theo đơn giá trong bảng giá đất do HĐND tỉnh ban hành nhân với diện tích đất được giao.
- Trường hợp người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở và được bồi thường bằng giao đất ở nhưng tiền bồi thường về đất ở không đủ so với giá trị của một suất tái định cư tối thiểu thì được Nhà nước hỗ trợ tiền đủ để được giao một suất tái định cư tối thiểu (60m² tại phường hoặc 100m² tại xã) theo quy định tại khoản 8 Điều 111 Luật Đất đai 2024.

đ) Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản: Được lập chi tiết tại Mục 2 Phần I văn bản này.

e) Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

g) Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

h) Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Thực hiện phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt và tổ chức chi trả, nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi UBND xã Tân Cương phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

Thời gian bàn giao đất cho Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II theo khoản 2 Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

i) Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không có.

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư gồm:

2.1. Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất (*Bảng tổng hợp được tổng hợp từ 03 phương án chi tiết dưới đây*).

2.1.1. Phương án chi tiết về bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, bồi thường cây hàng năm, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn;

2.1.2. Phương án chi tiết về hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất;

2.1.3. Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản khi Nhà nước thu hồi đất đối với từng chủ sở hữu tài sản.

2.2. Phương án tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

II. Địa điểm niêm yết:

Tại trụ sở UBND xã Tân Cương (Trung tâm phục vụ hành chính công) và tại nhà văn hóa xóm Xuân Đăng 2, xã Tân Cương.

III. Thời gian niêm yết: Từ ngày 08/6/2026 đến hết ngày 18/6/2026.

IV. Người có ý kiến góp ý, kiến nghị về phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB: Thì gửi phiếu đóng góp ý kiến về dự thảo phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II (Có mẫu Phiếu đóng góp ý kiến gửi kèm Thông báo này).

V. Thời gian tiếp nhận ý góp ý, kiến nghị: Từ ngày 08/6/2026 đến hết ngày 18/6/2026.

VI. Tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II kính mời các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) đến tham dự hội nghị lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi hết thời gian niêm yết theo thông báo. Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không tham gia họp trực tiếp có lý do chính đáng thì gửi Phiếu đóng góp ý kiến trực tiếp đến Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II.

Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nộp Phiếu đóng góp ý kiến gửi kèm Thông báo này được coi là đồng ý với dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II đề nghị UBND xã Tân Cương chỉ đạo cơ quan chuyên môn đăng tải dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên cổng thông tin điện tử của xã.

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II thông báo đề UBND, Ủy ban MTTQ xã Tân Cương, xóm Xuân Đăng 2, xã Tân Cương; hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi thực hiện dự án và các đối tượng liên quan biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND xã Tân Cương;
- Ủy ban MTTQ xã Tân Cương;
- Xóm Xuân Đăng 2;
- Các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi theo Mục 2 Phần I Thông báo này;
- Lưu: VT, CNTTPTQĐ. Minhdt (10b). #

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lưu Văn Tuyên





2.1. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH
SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 1)

(Phương án kèm Thông báo số 383 /TB-CNTTPTQĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

DVT: đồng

ST T	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Bồi thường, hỗ trợ tài sản		Các khoản hỗ trợ, thưởng khi Nhà nước thu hồi đất									Tổng Cộng
					Bồi thường cây hàng năm	Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách	Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Thưởng BGMB đất ở (Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)	Thưởng BGMB đất nông nghiệp (Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)		
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13	-14	-15	(16)=(5+6+...+15)	
1	Nguyễn Ngọc Hoa (SDD: 019074001173) SĐT: 0985452307; Trương Thị Hường (SDD: 017176001528)	xóm Xuân Đặng 2, xã Tân Cương	902,1	337.589.000	-	2.410.460.700	94.550.400	189.567.000	46.000.000	-	205.800.000	7.021.000	20.000.000	3.510.500	3.314.498.600	
2	Nguyễn Ngọc Đức (SDD: 019096000404) SĐT: 0961963996; Nguyễn Thị Hồng (SDD: 019198000457)	xóm Xuân Đặng 2, xã Tân Cương	582,9	308.861.000	-		-	103.383.000	-		205.800.000	3.829.000		1.914.500	623.787.500	
3	Nguyễn Thị Oanh (SDD: 019143000077) SĐT: 0971173637 (Nguyễn Ngọc Cương được uỷ quyền)	xóm Xuân Đặng 2, xã Tân Cương	6.784,0	1.416.817.000	-	1.860.699.300	94.550.400	1.694.451.000	46.000.000		216.600.000	61.840.000	20.000.000	30.920.000	5.441.877.700	
A	TỔNG CỘNG:		8.269,0	2.063.267.000	-	4.271.160.000	189.100.800	1.987.401.000	92.000.000	-	628.200.000	72.690.000	40.000.000	36.345.000	9.380.163.800	



2.1.1. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BÒI THƯỜNG VỀ ĐẤT, BÒI THƯỜNG CHI PHÍ ĐẦU TƯ VÀO ĐẤT CÒN LẠI, BÒI THƯỜNG CÂY HẰNG NĂM, HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, CHUYỂN ĐỔI NGHỀ VÀ TÌM KIẾM VIỆC LÀM, THƯỞNG BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN
 DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH
 SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 1)

(Phương án kèm Thông báo số 555 /TB-CNTTPTQĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Tờ BĐĐC tham chiếu	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Vị trí	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Bồi thường cây hàng năm		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm		Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh		Thưởng BGMB đất nông nghiệp (Chỉ được nhận khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn)		Tổng cộng (đồng)
									Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	(11)=(7x10)	-12	(13)=(7x12)	-14	(15)=(7x14)	-16	(17)=(7x16)	-18	(19)=(7x18)	(20)=(11+13+15+17+19)
1	Nguyễn Ngọc Hoa (SDD: 019074001173) - SĐT: 0985452307; Trương Thị Hường (SDD: 017176001528				902,1	902,1				337.589.000		0		189.567.000		7.021.000		3.510.500	537.687.500
		78(468)	102		200,0	200,0	ONT	1	1.372.000	274.400.000	-	-	-	-	-	-	-	-	274.400.000
	Cùng thửa đất ở			153	379,5	379,5	CLN	1	90.000	34.155.000	-	-	270.000	102.465.000	10.000	3.795.000	5.000	1.897.500	142.312.500
		493	102		322,6	322,6	CLN	1	90.000	29.034.000	-	-	270.000	87.102.000	10.000	3.226.000	5.000	1.613.000	120.975.000
2	Nguyễn Ngọc Đức (SDD: 019096000404) - SĐT: 0961963996; Nguyễn Thị Hồng (SDD: 019198000457				582,9	582,9				308.861.000		0		103.383.000		3.829.000		1.914.500	417.987.500
		491(471)	102		200,0	200,0	ONT	1	1.372.000	274.400.000	-	-	-	-	-	-	-	-	274.400.000
	Cùng thửa đất ở			153	382,9	382,9	CLN	1	90.000	34.461.000	-	-	270.000	103.383.000	10.000	3.829.000	5.000	1.914.500	143.587.500
3	Nguyễn Thị Oanh (SDD: 019143000077) - SĐT: 0971173637 (Nguyễn Ngọc Cương được uỷ quyền)				6.784,0	6.784,0				1.416.817.000		0	0	1.694.451.000		61.840.000		30.920.000	3.204.028.000
		488(470)	102		200,0	200,0	ONT	1	1.372.000	274.400.000	-	-	-	-	-	-	-	-	274.400.000

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Tờ BĐĐC tham chiếu	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Vị trí	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Bồi thường cây hàng năm		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm		Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh		Thưởng BGMB đất nông nghiệp (Chỉ được nhận khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn)		Tổng cộng (đồng)
									Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	(11)=(7x10)	-12	(13)=(7x12)	-14	(15)=(7x14)	-16	(17)=(7x16)	-18	(19)=(7x18)	(20)=(11+13+15+17+19)
	Cùng thửa đất ở			153	378,6	378,6	CLN	1	90.000	34.074.000	-	-	270.000	102.222.000	10.000	3.786.000	5.000	1.893.000	141.975.000
		109	102		400,0	400,0	ONT	1	1.444.000	577.600.000	-	-	-	-	-	-	-	-	577.600.000
	Cùng thửa đất ở				2.137,6	2.137,6	CLN	1	90.000	192.384.000	-	-	270.000	577.152.000	10.000	21.376.000	5.000	10.688.000	801.600.000
					928,4	928,4	CLN	1	90.000	83.556.000	-	-	270.000	250.668.000	10.000	9.284.000	5.000	4.642.000	348.150.000
		489(122)	102(106 (20-II))	153	1.913,7	1.913,7	CLN	1	90.000	172.233.000	-	-	270.000	516.699.000	10.000	19.137.000	5.000	9.568.500	717.637.500
		346(409)	102(105 (20-I))		366,7	366,7	LUK	1	100.000	36.670.000	-	-	300.000	110.010.000	10.000	3.667.000	5.000	1.833.500	152.180.500
		490(410)	102(105 (20-I))		459,0	459,0	LUK	1	100.000	45.900.000	-	-	300.000	137.700.000	10.000	4.590.000	5.000	2.295.000	190.485.000
TỔNG CỘNG:					8.269,0	8.269,0			-	2.063.267.000	-	-	-	1.987.401.000	-	72.690.000	-	36.345.000	4.159.703.000

2.1.2. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG, HỖ TRỢ HỘ NGHÈO KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH
SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 1)

(Phương án kèm Thông báo số 585/TB-CNTTPTQĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (m ²)	Hỗ trợ ổn định đời sống						Hỗ trợ hộ nghèo						Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
				Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng trong phạm vi xã, phường, TT nơi có đất thu hồi (m ²)	Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ bằng tiền 30Kg gạo tẻ (đồng/ khẩu/ tháng)	Thành tiền (đồng)	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (m ²)	Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ (đồng/ khẩu/ tháng)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(7x8x9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	6)=(13x14x15)	(17)=(10+16)	(18)
1	Nguyễn Ngọc Hoa (SDD: 019074001173) - SĐT: 0985452307; Trương Thị Hương (SDD: 017176001528)	xóm Xuân Đăng 2, xã Tân Cương	902,1	1.085,0	83,1%	7	24	562.800	94.550.400		0,0%		-	500.000	-	94.550.400	Di chuyển chỗ ở
2	Nguyễn Ngọc Đức (SDD: 019096000404) - SĐT: 0961963996; Nguyễn Thị Hồng (SDD: 019198000457)	xóm Xuân Đăng 2, xã Tân Cương	203,4	-	0,0%	0	6	562.800	0		0,0%			500.000		0	Di chuyển chỗ ở (chung khẩu hộ ông Nguyễn Ngọc Hoa, bà Trương Thị Hương)
3	Nguyễn Thị Oanh (SDD: 019143000077) - SĐT: 0971173637 (Nguyễn Ngọc Cương được uỷ quyền)	xóm Xuân Đăng 2, xã Tân Cương	6.184,0	6.184,0	100,0%	7	24	562.800	94.550.400		0,0%			500.000		94.550.400	Di chuyển chỗ ở
TỔNG CỘNG:			7.289,5	7.269,0					189.100.800	-		-			-	189.100.800	

2.2. PHƯƠNG ÁN TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH
SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 1)

(Phương án kèm Thông báo số 555 /TB-CNTTPTQĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Địa điểm	Bồi thường bằng đất ở, đất ở ĐC có thu tiền sử dụng đất				Hỗ trợ tái định cư (Hỗ trợ tiền đủ để được giao một suất tái định cư tối thiểu)		
							Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)		Vị trí	Diện tích (m ²)	Đơn giá theo Nghị Quyết số 33/2025/NQ- HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (đồng/m ²)	Tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Suất ĐC tối thiểu (m ²)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	(9)=(6x8)	-11	-12	-13	-14	(15)=13x14	-16	(17=16x14)	(18=9-17)
	CỘNG				902,1			337.589.000			200,0		550.000.000			
1	Nguyễn Ngọc Hoa (SDD: 019074001173) SĐT: 0985452307; Trương Thị Hường (SDD: 017176001528)	xóm Xuân Đặng 2, xã Tân Cương	78(46 8)	102	200,0	ONT	1.372.000	274.400.000	Tại dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1), xã Tân Cương	Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 35,4m. (Từ cầu vượt Sông Công đến hết ô quy hoạch C.HH11-1), một mặt đường, một mặt thoátáng	100,0	3.630.000	363.000.000			
					379,5	CLN	90.000	34.155.000		Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 15,5m, một mặt đường, một mặt thoátáng	100,0	1.870.000	187.000.000			
					322,6	CLN	90.000	29.034.000								
	CỘNG				582,9	-		308.861.000			200,0		550.000.000			

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Địa điểm	Bồi thường bằng đất ở, đất ở TĐC có thu tiền sử dụng đất				Hỗ trợ tái định cư (Hỗ trợ tiền đủ để được giao một suất tái định cư tối thiểu)		
							Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)		Vị trí	Diện tích (m ²)	Đơn giá theo Nghị Quyết số 33/2025/NQ- HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (đồng/m ²)	Tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Suất TĐC tối thiểu (m ²)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	(9)=(6x8)	-11	-12	-13	-14	(15)=13x14	-16	(17=16x14)	(18=9-17)
2	Nguyễn Ngọc Đức (SDD: 019096000404) SĐT: 0961963996; Nguyễn Thị Hồng (SDD: 019198000457	-	491(471)	102	200,0	ONT	1.372.000	274.400.000	Tại dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1), xã Tân Cương	Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 35,4m. (Từ cầu vượt Sông Công đến hết ô quy hoạch C.HH11-1), một mặt đường, một mặt thoát	100,0	3.630.000	363.000.000			
					382,9	CLN	90.000	34.461.000		Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 15,5m, một mặt đường, một mặt thoát	100,0	1.870.000	187.000.000			
	CỘNG				600,0	-		852.000.000	-	-	400,0		960.115.000			
3	Nguyễn Thị Oanh (SDD: 019143000077) SĐT: 0971173637 (Nguyễn Ngọc Cương được uỷ quyền)	xóm Xuân Đẳng 2, xã Tân Cương	488(470)	102	200,0	ONT	1.372.000	274.400.000	Tại dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1), xã Tân Cương	Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 35,4m. (Từ cầu vượt Sông Công đến hết ô quy hoạch C.HH11-1), hai mặt đường	134,4	3.630.000	487.872.000			
										Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 15,5m, hai mặt đường	121,9	1.870.000	227.953.000			
			109	102	400,0	ONT	1.444.000	577.600.000		Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 15,5m, hai mặt đường	143,7	1.700.000	244.290.000			
TỔNG CỘNG:					2.085,0	-	-	1.498.450.000,0	-	-	800,0	-	2.060.115.000	-	-	-

2.4. BẢNG TỔNG HỢP SỐ TIỀN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN
DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH
SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 1)

(Phương án kèm Thông báo số 888 /TB-CNTTPTQĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

ĐVT: đồng ĐVT: đồng

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)		Tiền bồi thường, hỗ trợ đã phê duyệt (đồng)		Bồi thường bằng đất ở, đất ở TĐC có thu tiền sử dụng đất			Số tiền chênh lệch giữa tiền bồi thường đất ở và tiền sử dụng đất phải nộp		Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)	Số tiền được ghi nợ (nếu có)	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất	Ghi chú
			Đất khác	Đất ở	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt	Trong đó Bồi thường về đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá theo NQ số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được nhận	Số tiền phải nộp khi thực hiện thủ tục giao đất				
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	(10)=(8x9)	(17)=(7)-(10)	(18)=(10)+(16)-(7)	-19	-20	(21)=(6-7)	-12
1	Nguyễn Ngọc Hoa (SDD: 019074001173) - SĐT: 0985452307; Trương Thị Hương (SDD: 017176001528)	xóm Xuân Đăng 2, xã Tân Cương	702,1	200,0	3.369.035.600	337.589.000	100,0	3.630.000	363.000.000		212.411.000			3.031.446.600	Di chuyển chỗ ở
							100,0	1.870.000	187.000.000						
	CỘNG		702,1	200,0	3.369.035.600	337.589.000	200,0		550.000.000	-	212.411.000	-	-	3.031.446.600	
2	Nguyễn Ngọc Đức (SDD: 019096000404) - SĐT: 0961963996; Nguyễn Thị Hồng (SDD: 019198000457)	xóm Xuân Đăng 2, xã Tân Cương	382,9	200,0	680.656.900	308.861.000	100,0	3.630.000	363.000.000		241.139.000			371.795.900	Di chuyển chỗ ở (chung khẩu hộ ông Nguyễn Ngọc Hoa, bà Trương Thị Hương)
							100,0	1.870.000	187.000.000						
	CỘNG		382,9	200,0	680.656.900	308.861.000	200,0		550.000.000	-	241.139.000	-	-	371.795.900	
3	Nguyễn Thị Oanh (SDD: 019143000077) - SĐT: 0971173637 (Nguyễn Ngọc Cương được uỷ quyền)	xóm Xuân Đăng 2, xã Tân Cương	6.184,0	600,0	5.514.077.700	1.416.817.000	134,4	3.630.000	487.872.000					4.213.962.700	Di chuyển chỗ ở
							121,9	1.870.000	227.953.000						
							243,7	1.700.000	414.290.000						

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)		Tiền bồi thường, hỗ trợ đã phê duyệt (đồng)		Bồi thường bằng đất ở, đất ở TĐC có thu tiền sử dụng đất			Số tiền chênh lệch giữa tiền bồi thường đất ở và tiền sử dụng đất phải nộp		Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)	Số tiền được ghi nợ (nếu có)	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất	Ghi chú
			Đất khác	Đất ở	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt	Trong đó Bồi thường về đất	Diện tích (m2)	Đơn giá theo NQ số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được nhận	Số tiền phải nộp khi thực hiện thủ tục giao đất				
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	(10)=(8x9)	(17)=(7)-(10)	(18)=(10)+(16)-(7)	-19	-20	(21)=(6-7)	-12
							100,0	1.700.000	170.000.000						
	CỘNG		6.184,0	600,0	5.514.077.700	1.416.817.000	600,0		1.300.115.000		0			4.213.962.700	
A	TỔNG CỘNG:		7.269,0	1.000,0	9.563.770.200	2.063.267.000	1.000,0	-	2.400.115.000	-	453.550.000	-	-	7.617.205.200	-

2.1.5. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI ĐẤT VƯỜN, AO, ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRONG CÙNG THỬA ĐẤT Ở HOẶC ĐẤT CÓ NGUỒN GỐC LÀ ĐẤT VƯỜN, AO, ĐẤT NÔNG NGHIỆP CÙNG THỬA ĐẤT Ở NHƯNG ĐÃ TÁCH RA KHỎI THỬA ĐẤT Ở

DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 1)

(Phương án kèm Thông báo số 385 /TB-CNTTPTQĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Tiêu chí	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Tờ BĐĐC tham chiếu	Diện tích thu hồi được HT theo QĐ 15/2026/QĐ- UBND(m ²)	Loại đất	Vị trí	Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở		Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
									Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)		
-1	-2	-3	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	(10)=(6x9)	-11	-12
1	Nguyễn Ngọc Hoa (SDD: 019074001173) - SĐT: 0985452307; Trương Thị Hường (SDD: 017176001528					379,5				260.337.000	260.337.000	
			78(468)	102		379,5	CLN	1	686.000	260.337.000	260.337.000	
1	Nguyễn Ngọc Đức (SDD: 019096000404) - SĐT: 0961963996; Nguyễn Thị Hồng (SDD: 019198000457					382,9				262.669.400	262.669.400	
			491(471)	102		382,9	CLN	1	686.000	262.669.400	262.669.400	
2	Nguyễn Thị Oanh (SDD: 019143000077) - SĐT: 0971173637 (Nguyễn Ngọc Cương được uỷ quyền)					400,0		-		288.800.000	288.800.000	
			109	102		400,0	CLN	1	722.000	288.800.000	288.800.000	
TỔNG CỘNG:						1.162,4	-			811.806.400	811.806.400	

2.3. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG BẰNG ĐẤT CÓ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG KHÁC VỚI LOẠI ĐẤT THU HỒI
DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH
SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 1)

(Phương án kèm Thông báo số 58/TB-CNTTPTQĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

ĐVT: Đồng

Số TT	Họ tên người có đất thu hồi	Vị trí thu hồi đất					Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất được phê duyet	Trong đó			Bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất theo Điều 3, Quyết định 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026					Số tiền chênh lệch giữa tiền bồi thường đất và tiền sử dụng đất phải nộp		
		Địa chỉ	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích đất thu hồi (m2)	Loại đất		Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Địa chỉ khu đất	Vị trí thửa đất	Diện tích (m2)	Loại đất	Đơn giá theo QĐ số 48/QĐ- UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (đồng/m2)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được nhận	Số tiền phải nộp khi thực hiện thủ tục giao đất
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	13	14	15	16	17	18=14*16	19=8-18	20=8-18
3	Nguyễn Thị Oanh (SĐD: 019143000077) - SĐT: 0971173637 (Nguyễn Ngọc Cương được ủy quyền)	xóm Xuân Đặng 2, xã Tân Cương	408(470)	102	378,6	CLN	140.082.000	34.074.000	102.222.000	3.786.000	Tại dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1), tại xã Tân Cương	Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 15,5m, (Lô 2) một mặt đường	100,0	ONT	1.700.000	170.000.000	2.211.167.000	
			109	102	3066,0	CLN	1.134.420.000	275.940.000	827.820.000	30.660.000								
			489(122)	02(106(20-1	1913,7	CLN	621.631.000	83.556.000	516.699.000	21.376.000								
			346(409)	02(105(20-	366,7	CLN	291.527.000	172.233.000	110.010.000	9.284.000								
			490(410)	02(105(20-	459,0	CLN	193.507.000	36.670.000	137.700.000	19.137.000								
					6.184,0	0,0	2.381.167.000	602.473.000	1.694.451.000	84.243.000						170.000.000	2.211.167.000	

2.1.4. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ HỖ TRỢ THUÊ NHÀ, THUÊ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, HỖ TRỢ GIA ĐÌNH CHÍNH SÁCH
SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 1)

(Phương án kèm Thông báo số 585 /TB-CNTTPTQĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản										Hỗ trợ gia đình chính sách		Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
			Hỗ trợ thuê nhà				Hỗ trợ thuê địa điểm kinh doanh				Hỗ trợ di chuyển tài sản (đồng)	Tổng (đồng)	Đối tượng chính sách	Thành tiền (đồng)		
			Số nhân khẩu trong hộ (khẩu)	Đơn giá (đồng/hộ/tháng)	Thời gian hỗ trợ (tháng)	Thành tiền (đồng)	Diện tích nhà, xưởng (m ²)	Đơn giá (đồng/m ² /tháng)	Thời gian hỗ trợ (tháng)	Thành tiền (đồng)						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5x6)	(8)	(9)	(10)	(11)=(8x9x10)	(12)	(13)=(7+11+12)	(14)	(15)	(16)=(13+15)	(17)
1	Nguyễn Ngọc Hoa (SDD: 019074001173) - SĐT: 0985452307; Trương Thị Hường (SDD: 017176001528	xóm Xuân Đăng 2, xã Tân Cương	7	6.000.000	6	36.000.000		20.000	6	0	10.000.000	46.000.000		-	46.000.000	Di chuyển chỗ ở
2	Nguyễn Ngọc Đức (SDD: 019096000404) - SĐT: 0961963996; Nguyễn Thị Hồng (SDD: 019198000457	xóm Xuân Đăng 2, xã Tân Cương	0		6	0		20.000	6	0						
3	Nguyễn Thị Oanh (SDD: 019143000077) - SĐT: 0971173637 (Nguyễn Ngọc Cương được uỷ quyền)	xóm Xuân Đăng 2, xã Tân Cương	7	6.000.000	6	36.000.000		20.000	6	0	10.000.000	46.000.000		-	46.000.000	Di chuyển chỗ ở
TỔNG CỘNG:			7			72.000.000	-			-	20.000.000	92.000.000		-	92.000.000	

Số: 496/TB-CNTTPTQĐ

Đại Phúc, ngày 29 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc điều chỉnh bổ sung Niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1)

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Căn cứ Nghị Quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 HĐND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Đơn giá quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Trục đường và các khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên (Địa phận thành phố Sông Công);



Căn cứ Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1);

Căn cứ Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2);

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 1319/TB-UBND ngày 25/4/2022 của UBND thành phố Sông Công để thực hiện dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2);

Căn cứ Thông báo số 198/TB-SNNMT ngày 06/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên thông báo giá gạo tẻ tháng 6 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Thực hiện Thông báo số 83/TB-UBND ngày 23/3/2023 của UBND thành phố Sông Công thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường du lịch Sông Công - Núi Cốc; Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2) (bổ sung);

Thực hiện Thông báo số 408/TB-UBND ngày 21/11/2024 của UBND thành phố Sông Công về việc bổ sung một số tại Thông báo số 1319/TB-UBND ngày 25/4/2022 và Thông báo số 83/TB-UBND ngày 23/3/2023 của UBND thành phố Sông Công;

Thực hiện Thông báo số 84/TB-UBND ngày 30/3/2026 của UBND xã Tân Cương về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1); Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 2);

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 03/4/2026 của Phòng Kinh tế xã Tân Cương và Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II về việc thống nhất giá đất ở bồi thường để thực hiện dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2);

Căn cứ hồ sơ thống kê, kiểm đếm và các giấy tờ pháp lý liên quan;

Sau khi lập xong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai 2024, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1), cụ thể như sau:

I. Nội dung niêm yết:

Toàn bộ dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB trước khi trình thẩm định, phê duyệt của 01 hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi thực hiện dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1), cụ thể:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Tổng diện tích đất thu hồi:

Tổng diện tích đất thu hồi 6.784,0 m² của 01 hộ gia đình, cá nhân.

Trong đó:

- Đất ở tại nông thôn (ONT): 600,0 m²;
- Đất trồng cây lâu năm (CLN): 5.358,3 m²;
- Đất trồng cây hằng năm khác (BHK): m²;
- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS) m²;
- Đất trồng lúa (LUK) 825,7 m²

b) Tổng dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 5.514.077.700 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ, năm trăm mười bốn triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm đồng)

Trong đó:

- Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại: 1.416.817.000 đồng;
- Bồi thường, hỗ trợ tài sản: 1.860.699.300 đồng;
- Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo: 94.550.400 đồng;
- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 1.694.451.000 đồng;
- Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản: 46.000.000 đồng;
- Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất NN trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất NN cùng thửa đất ở đã tách ra khỏi đất ở: 288.800.000 đồng;
- Hỗ trợ gia đình chính sách: đồng;
- Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh: 61.840.000 đồng;
- Thưởng bàn giao mặt bằng đất ở: 20.000.000 đồng;
- Thưởng bàn giao mặt bằng đất NN trước thời hạn: 30.920.000 đồng;
- Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp: 1.283.272.000 đồng

Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước

c) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Các hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu đăng ký hình thức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại Quyết định số 12/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 67/2026/QĐ-UBND ngày 17/6/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

d) Phương án bố trí tái định cư:

- Số hộ gia đình, cá nhân được bố trí tái định cư : 01 hộ gia đình, cá nhân.
- Khu tái định cư, địa điểm khu tái định cư:



+ Khu số 1 (đối với các hộ đã đăng ký có diện tích cụ thể trong phụ lục chi tiết kèm theo; đối với các hộ chưa đăng ký, diện tích cụ thể theo kết quả xét của Hội đồng xét giao đất tái định cư thành phố trên cơ sở đơn đăng ký của từng hộ);

- Hình thức tái định cư (bằng đất, bằng nhà ở): Bằng đất ở.

- Diện tích đất ở tái định cư được giao (Có phụ lục kèm theo).

- Đơn giá tái định cư: Theo giá theo Nghị Quyết 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh quy định trong bảng giá đất và Biên bản xác định giá đất đối với các trục đường có vị trí tương đương trong bảng giá của UBND xã Tân Cương.

- Số tiền sử dụng đất người được bố trí tái định cư phải nộp vào ngân sách Nhà nước theo đơn giá trong bảng giá đất do HĐND tỉnh ban hành nhân với diện tích đất được giao.

- Trường hợp người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở và được bồi thường bằng giao đất ở nhưng tiền bồi thường về đất ở không đủ so với giá trị của một suất tái định cư tối thiểu thì được Nhà nước hỗ trợ tiền đủ để được giao một suất tái định cư tối thiểu (60m² tại phường hoặc 100m² tại xã) theo quy định tại khoản 8 Điều 111 Luật Đất đai 2024.

đ) Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản: Được lập chi tiết tại Mục 2 Phần I văn bản này.

e) Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

g) Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

h) Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Thực hiện phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt và tổ chức chi trả, nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi UBND xã Tân Cương phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

Thời gian bàn giao đất cho Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II theo khoản 2 Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

i) Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không có.

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư gồm:

2.1. Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất (Bảng tổng hợp được tổng hợp từ 03 phương án chi tiết dưới đây).

2.1.1. Phương án chi tiết về bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, bồi thường cây hàng năm, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn;

2.1.2. Phương án chi tiết về hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất;

2.1.3. Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản khi Nhà nước thu hồi đất đối với từng chủ sở hữu tài sản.

2.2. Phương án tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

II. Tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II kính mời các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) đến tham dự hội nghị lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi hết thời gian niêm yết theo thông báo. Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không tham gia họp trực tiếp có lý do chính đáng thì gửi Phiếu đóng góp ý kiến trực tiếp đến Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II.

Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nộp Phiếu đóng góp ý kiến gửi kèm Thông báo này được coi là đồng ý với dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II đề nghị UBND xã Tân Cương chỉ đạo cơ quan chuyên môn đăng tải dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên cổng thông tin điện tử của xã.

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II thông báo để UBND, Ủy ban MTTQ xã Tân Cương, xóm Xuân Đăng 2, xã Tân Cương; hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi thực hiện dự án và các đối tượng liên quan biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND xã Tân Cương;
- Ủy ban MTTQ xã Tân Cương;
- Xóm Xuân Đăng 2;
- Các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi theo Mục 2 Phần I Thông báo này;
- Lưu: VT, CNTTPTQĐ. Minhdt (10b). *✍*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lưu Văn Tuyên



2.1. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH
SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 1)



(Phụ lục kèm Thông báo số 496/TB-CNTTPTQĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

DVT: đồng

ST T	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Bồi thường, hỗ trợ tài sản		Các khoản hỗ trợ, thưởng khi Nhà nước thu hồi đất								Tổng Cộng
					Bồi thường cây hàng năm	Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách	Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Thưởng BGMB đất ở (Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)	Thưởng BGMB đất nông nghiệp (Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13	-14	-15	(16)=(5+6+...+15)
1	Nguyễn Thị Oanh (SDD: 019143000077) SDT: 6971173637 (Nguyễn Ngọc Cương được ủy quyền)	xóm Xuân Đặng 2, xã Tân Cương	6.784,0	1.416.817.000		1.860.699.300	94.550.400	1.694.451.000	46.000.000	-	288.800.000	61.840.000	20.000.000	30.920.000	5.514.077.700
A	TỔNG CỘNG:		6.784,0	1.416.817.000	-	1.860.699.300	94.550.400	1.694.451.000	46.000.000	-	288.800.000	61.840.000	20.000.000	30.920.000	5.514.077.700



2.3 PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG BẰNG ĐẤT CÓ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG KHÁC VỚI LOẠI ĐẤT THU HỒI
DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH
SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 1)

(Phương án kèm Thông báo số 496/TB-CNTTPTQĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

DVT: Đồng

Số TT	Họ tên người có đất thu hồi	Vị trí thu hồi đất					Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất được phê duyệt	Trong đó			Bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất theo Điều 3, Quyết định 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026						Số tiền chênh lệch giữa tiền bồi thường đất và tiền sử dụng đất phải nộp	
		Địa chỉ	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích đất thu hồi (m2)	Loại đất		Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Địa chỉ khu đất	Vị trí thửa đất	Diện tích (m2)	Loại đất	Đơn giá theo QĐ số 48/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (đồng/m2)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được nhận	Số tiền phải nộp khi thực hiện thủ tục giao đất
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	13	14	15	16	17	18=14*16	19=8-18	20=8-18
1	Nguyễn Thị Oanh (SDD: 619143000077) - SĐT: 0971173637 (Nguyễn Ngọc Cương được uỷ quyền)	xóm Xuân Đăng 2, xã Tân Cương	408(470)	102	378,6	CLN	140.082.000	34.074.000	102.222.000	3.786.000	Tại dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1), tại xã Tân Cương	Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 15,5m, (Lô 2) một mặt đường	100,0	ONT	1.700.000	170.000.000	2.211.167.000	
			109	102	3066,0	CLN	1.134.420.000	275.940.000	827.820.000	30.660.000								
			489(122)	02(106(20-1	1913,7	CLN	621.631.000	83.556.000	516.699.000	21.376.000								
			346(409)	02(105(20-	366,7	CLN	291.527.000	172.233.000	110.010.000	9.284.000								
			490(410)	02(105(20-	459,0	CLN	193.507.000	36.670.000	137.700.000	19.137.000								
					6.184,0	0,0	2.381.167.000	602.473.000	1.694.451.000	84.243.000						170.000.000	2.211.167.000	

2.2. PHƯƠNG ÁN TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH
SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 1)



(Phương án kèm Thông báo số 496 /TB-CNTTPTQĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Địa điểm	Bồi thường bằng đất ở, đất ở TĐC có thu tiền sử dụng đất				Hỗ trợ tái định cư (Hỗ trợ tiền đủ để được giao một suất tái định cư tối thiểu)		
							Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)		Vị trí	Diện tích (m ²)	Đơn giá theo Nghị Quyết số 33/2025/NQ- HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (đồng/m ²)	Tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Suất TĐC tối thiểu (m ²)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	(9)=(6x8)	-11	-12	-13	-14	(15)=13x14	-16	(17=16x14)	(18=9-17)
	CỘNG				600,0	-		852.000.000	-	-	300,0		1.113.272.000			
3	Nguyễn Thị Oanh (SED: 019143000077) SĐT: 0971173637 (Nguyễn Ngọc Cương được uỷ quyền)	xóm Xuân Đãng 2, xã Tân Cương	488(470)	102	200,0	ONT	1.372.000	274.400.000	Tại dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1), xã Tân Cương	Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 35,4m. (Từ cầu vượt Sông Công đến hết ô quy hoạch C.HH11-1), hai mặt đường	134,4	3.630.000	487.872.000			
										Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 27m, hai mặt đường	165,6	2.750.000	455.400.000			
			109	102	400,0	ONT	1.444.000	577.600.000		Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 15,5m, hai mặt đường	100,0	1.700.000	170.000.000			
TỔNG CỘNG:					600,0			852.000.000,0			400,0		1.113.272.000			



2.4. BẢNG TỔNG HỢP SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN

DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH
SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 1)

(Phương án kèm Thông báo số 496 /TB-CNTTPTQĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

ĐVT: đồng ĐVT: đồng

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)		Tiền bồi thường, hỗ trợ đã phê duyệt (đồng)		Bồi thường bằng đất ở, đất ở TĐC có thu tiền sử dụng đất			Số tiền chênh lệch giữa tiền bồi thường đất ở và tiền sử dụng đất phải nộp		Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)	Số tiền được ghi nợ (nếu có)	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất	Ghi chú
			Đất khác	Đất ở	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt	Trong đó Bồi thường về đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá theo NQ số 33/NQ- HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được nhận	Số tiền phải nộp khi thực hiện thủ tục giao đất				
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	(10)=(8x9)	(17)=(7)-(10)	(18)=(10)+(16)-(7)	-19	-20	(21)=(6-7)	-12
3	Nguyễn Thị Oanh (SDD: 019143000077) - SDT: 0971173637 (Nguyễn Ngọc Cương được uỷ quyền)	xóm Xuân Đặng 2, xã Tân Cương	6.184,0	600,0	5.514.077.700	1.416.817.000	134,4	3.630.000	487.872.000					4.230.805.700	Di chuyển chỗ ở
							165,6	2.750.000	455.400.000						
							100,0	1.700.000	170.000.000						
							100,0	1.700.000	170.000.000						
	CỘNG		6.184,0	600,0	5.514.077.700	1.416.817.000	500,0		1.283.272.000		0			4.230.805.700	

Số: 390/TB-CNTTPTQĐ

Đại Phúc, ngày 08 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc Niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 2)

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Căn cứ Nghị Quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 HĐND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Đơn giá quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Trục đường và các khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công – Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên (Địa phận thành phố Sông Công);

Căn cứ Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 2);

Căn cứ Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2);

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 1319/TB-UBND ngày 25/4/2022 của UBND thành phố Sông Công để thực hiện dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2);

Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Đường du lịch Sông Công - Núi Cốc; Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc - Khu số 1 và dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc- Khu số 2.

Căn cứ Thông báo số 198/TB-SNNMT ngày 06/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên thông báo giá gạo tẻ tháng 6 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Thực hiện Thông báo số 83/TB-UBND ngày 23/3/2023 của UBND thành phố Sông Công thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường du lịch Sông Công - Núi Cốc; Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2) (bổ sung);

Thực hiện Thông báo số 408/TB-UBND ngày 21/11/2024 của UBND thành phố Sông Công về việc bổ sung một số tại Thông báo số 1319/TB-UBND ngày 25/4/2022 và Thông báo số 83/TB-UBND ngày 23/3/2023 của UBND thành phố Sông Công;

Thực hiện Thông báo số 84/TB-UBND ngày 30/3/2026 của UBND xã Tân Cương về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1); Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 2);

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 03/4/2026 của Phòng Kinh tế xã Tân Cương và Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II về việc thống nhất giá đất ở bồi thường để thực hiện dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2);

Căn cứ hồ sơ thống kê, kiểm đếm và các giấy tờ pháp lý liên quan;

Sau khi lập xong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai 2024, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 2), cụ thể như sau:

I. Nội dung niêm yết:

Toàn bộ dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB trước khi trình thẩm định, phê duyệt của 02 hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi

thu hồi thực hiện dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 2), cụ thể:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Tổng diện tích đất thu hồi:

Tổng diện tích đất thu hồi 2.450,0 m² của 02 hộ gia đình, cá nhân.

Trong đó:

- Đất ở tại nông thôn (ONT): 300,0 m²;
- Đất trồng cây lâu năm (CLN): 2.150,0 m²;
- Đất trồng cây hằng năm khác (BHK): m²;
- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS) m²;
- Đất trồng lúa (LUK) m²

b) Tổng dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 2.984.710.600 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm tám mươi tư triệu, bảy trăm mười nghìn, sáu trăm đồng).

Trong đó:

- Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại: 649.500.000 đồng;
 - Bồi thường, hỗ trợ tài sản: 1.401.446.200 đồng;
 - Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo: 27.014.400 đồng;
 - Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 580.500.000 đồng;
 - Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản: 46.000.000 đồng;
 - Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất NN trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất NN cùng thửa đất ở đã tách ra khỏi đất ở 228.000.000 đồng;
 - Hỗ trợ gia đình chính sách: đồng;
 - Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh: 21.500.000 đồng;
 - Thường bàn giao mặt bằng đất ở: 20.000.000 đồng;
 - Thường bàn giao mặt bằng đất NN trước thời hạn: 10.750.000 đồng;
 - Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp: 880.000.000 đồng
- Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước

c) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Các hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu đăng ký hình thức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc. theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Phương án bố trí tái định cư:

- Số hộ gia đình, cá nhân được bố trí tái định cư : 01 hộ gia đình, cá nhân.



- Khu tái định cư, địa điểm khu tái định cư:
- + Khu số 1 và Khu số 2 (đối với các hộ đã đăng ký có diện tích cụ thể trong phụ lục chi tiết kèm theo; đối với các hộ chưa đăng ký, diện tích cụ thể theo kết quả xét của Hội đồng xét giao đất tái định cư thành phố trên cơ sở đơn đăng ký của từng hộ);
- Hình thức tái định cư (bằng đất, bằng nhà ở): Bằng đất ở.
- Diện tích đất ở tái định cư được giao (Có phụ lục kèm theo).
- Đơn giá tái định cư: Theo giá theo Nghị Quyết 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh quy định trong bảng giá đất.
- Số tiền sử dụng đất người được bố trí tái định cư phải nộp vào ngân sách Nhà nước theo đơn giá trong bảng giá đất do HĐND tỉnh ban hành nhân với diện tích đất được giao.
- Trường hợp người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở và được bồi thường bằng giao đất ở nhưng tiền bồi thường về đất ở không đủ so với giá trị của một suất tái định cư tối thiểu thì được Nhà nước hỗ trợ tiền đủ để được giao một suất tái định cư tối thiểu (60m² tại phường hoặc 100m² tại xã) theo quy định tại khoản 8 Điều 111 Luật Đất đai 2024.

đ) Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản: Được lập chi tiết tại Mục 2 Phần I văn bản này.

e) Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

g) Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

h) Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Thực hiện phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt và tổ chức chi trả, nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi UBND xã Tân Cương phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

Thời gian bàn giao đất cho Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II theo khoản 2 Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

i) Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không có.

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư gồm:

2.1. Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất (Bảng tổng hợp được tổng hợp từ 03 phương án chi tiết dưới đây).

2.1.1. Phương án chi tiết về bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, bồi thường cây hàng năm, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn;

2.1.2. Phương án chi tiết về hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất;

2.1.3. Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản khi Nhà nước thu hồi đất đối với từng chủ sở hữu tài sản.

2.2. Phương án tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

II. Địa điểm niêm yết:

Tại trụ sở UBND xã Tân Cương (Trung tâm phục vụ hành chính công) và tại nhà văn hóa xóm Xuân Đăng 2, xã Tân Cương.

III. Thời gian niêm yết: Từ ngày 08/6/2026 đến hết ngày 18/6/2026.

IV. Người có ý kiến góp ý, kiến nghị về phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB: Thì gửi phiếu đóng góp ý kiến về dự thảo phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II (Có mẫu Phiếu đóng góp ý kiến gửi kèm Thông báo này).

V. Thời gian tiếp nhận ý góp ý, kiến nghị: Từ ngày 08/6/2026 đến hết ngày 18/6/2026.

VI. Tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II kính mời các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) đến tham dự hội nghị lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi hết thời gian niêm yết theo thông báo. Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không tham gia họp trực tiếp có lý do chính đáng thì gửi Phiếu đóng góp ý kiến trực tiếp đến Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II.

Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nộp Phiếu đóng góp ý kiến gửi kèm Thông báo này được coi là đồng ý với dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II đề nghị UBND xã Tân Cương chỉ đạo cơ quan chuyên môn đăng tải dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên cổng thông tin điện tử của xã.

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II thông báo để UBND, Ủy ban MTTQ xã Tân Cương, xóm Xuân Đăng 2, xã Tân Cương; hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi thực hiện dự án và các đối tượng liên quan biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND xã Tân Cương;
- Ủy ban MTTQ xã Tân Cương;
- Xóm Xuân Đăng 2;
- Các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi theo Mục 2 Phần I Thông báo này;
- Lưu: VT, CNTTPTQĐ. Minhdt (10b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lưu Văn Tuyên





2.1. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH
SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 2)

(Phương án kèm Thông báo số 390 /TB-CNTTPTQĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

ĐVT: đồng

ST T	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Bồi thường, hỗ trợ tài sản		Các khoản hỗ trợ, thưởng khi Nhà nước thu hồi đất								Tổng Cộng
					Bồi thường cây hàng năm	Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách	Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Thưởng BGMB đất ở (Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)	Thưởng BGMB đất nông nghiệp (Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13	-14	-15	(16)=(5+6+...+15)
1	Nguyễn Thị Yến (SDD: 019164000779) SĐT: 0973727028	xóm Xuân Đặng 2. xã Tân Cương	1.562,0	569.580.000	-	1.401.446.200	27.014.400	340.740.000	46.000.000	-	228.000.000	12.620.000	20.000.000	6.310.000	2.651.710.600
2	Nguyễn Thị Yến (SDD: 019164000779) SĐT: 0973727028; Nguyễn Văn Tuấn (SDD: 019073013377) SĐT: 0911 124 256, Nguyễn Thị Liên	xóm Xuân Đặng 2. xã Tân Cương	888,0	79.920.000	-	-	-	239.760.000	-	-	-	8.880.000	-	4.440.000	333.000.000
A	TỔNG CỘNG:		2.450,0	649.500.000	-	1.401.446.200	27.014.400	580.500.000	46.000.000	-	228.000.000	21.500.000	20.000.000	10.750.000	2.984.710.600

2.4. BẢNG TỔNG HỢP SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN
DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH
SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 2)

(Phương án kèm Thông báo số 390 /TB-CNTTPTQĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)		Tiền bồi thường, hỗ trợ đã phê duyet (đồng)		Bồi thường bằng đất ở, đất ở TĐC có thu tiền sử dụng đất			Bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất theo Điều 3, Quyết định 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026			Số tiền chênh lệch giữa tiền bồi thường đất ở và tiền sử dụng đất phải nộp		Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)	Số tiền được ghi nợ (nếu có)	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất	Ghi chú
			Đất khác	Đất ở	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt	Trong đó Bồi thường về đất ở	Diện tích (m2)	Đơn giá theo NQ số 33/NQ- HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (đồng)	Thành tiền (đồng)	Diện tích (m2)	Đơn giá theo NQ số 33/NQ- HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được nhận	Số tiền phải nộp khi thực hiện thủ tục giao đất				
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	(10)=(8x9)	(14)	(15)	(16)=(14x15)	(17)=(7)-(10)	(18)=(10)+(16)-(7)	-19	-20	(21)=(6-7)	-12
1	Nguyễn Thị Yến (SDD: 019164000779) SĐT: 0973727028	xóm Xuân Đãng 2. xã Tân Cương	1.262,0	300,0	2.651.710.600	456.000.000	100,0	3.630.000	363.000.000					424.000.000			2.195.710.600	Di chuyển chỗ ở
							100,0	3.300.000	330.000.000									
							100,0	1.870.000	187.000.000									
	Nguyễn Thị Yến (SDD: 019164000779) SĐT: 0973727028; Nguyễn Văn Tuấn (SDD: 019073013377) - SĐT:0911 124 256, Nguyễn Thị Liên	xóm Xuân Đãng 2. xã Tân Cương	888,0		333.000.000												333.000.000	
A	TỔNG CỘNG:		2.150,0	300,0	2.984.710.600	456.000.000	300,0		880.000.000			0	0	424.000.000			2.528.710.600	

2.2. PHƯƠNG ÁN TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH
SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 2)

(Phương án kèm Thông báo số 390 /TB-CNTTPTQĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Số cặp vợ chồng hoặc số thể hệ đủ điều kiện tách hộ (hộ)	Địa điểm	Bồi thường bằng đất ở, đất ở TĐC có thu tiền sử dụng đất				Hỗ trợ tái định cư (Hỗ trợ tiền đủ để được giao một suất tái định cư tối thiểu)		
							Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)			Vị trí	Diện tích (m ²)	Đơn giá theo QĐ số 48/QĐ- UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (đồng/m ²)	Tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Suất TĐC tối thiểu (m ²)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	(9)=(6x8)	-10	-11	-12	-13	-14	(15)=13x14	-16	(17=16x 14)	(18=9-17)
1	Nguyễn Thị Yến (SDD: 019164000779) SDT: 0973727028	xóm Xuân Đặng 2. xã Tân Cương	153	102	400,0	ONT	1.520.000	608.000.000		Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1)	Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 35,4m. (Từ cầu vượt Sông Công đến hết ô quy hoạch C.HH3) (Lô 1 C.LK43), một mặt đường	100,0	3.300.000	330.000.000			
										Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 2)	Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 35,4m. (Từ cầu vượt Sông Công đến hết ô quy hoạch C.HH3) (Lô 1 CHH3-1), hai mặt đường	100,0	3.630.000	363.000.000			
										Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 15,5m, (Lô 2 C.LK3-1), hai mặt đường	100,0	1.870.000	187.000.000				
TỔNG CỘNG:					400,0		608.000.000	-			300,0		880.000.000	-	-	-	

**2.1.4. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ HỖ TRỢ THUÊ NHÀ, THUÊ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, HỖ TRỢ GIA ĐÌNH CHÍNH SÁCH
SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 2)**

(Phương án kèm Thông báo số 390 /TB-CNTTPTQĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản										Hỗ trợ gia đình chính sách		Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
			Hỗ trợ thuê nhà				Hỗ trợ thuê địa điểm kinh doanh				Hỗ trợ di chuyển tài sản (đồng)	Tổng (đồng)	Đối tượng chính sách	Thành tiền (đồng)		
			Số nhân khẩu trong hộ (khẩu)	Đơn giá (đồng/hộ/ tháng)	Thời gian hỗ trợ (tháng)	Thành tiền (đồng)	Diện tích nhà, xưởng (m ²)	Đơn giá (đồng/m ² / tháng)	Thời gian hỗ trợ (tháng)	Thành tiền (đồng)						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5x6)	(8)	(9)	(10)	(11)=(8x9x10)	(12)	(13)=(7+11+12)	(14)	(15)	(16)=(13+15)	(17)
1	Nguyễn Thị Yến (SDD: 019164000779) SĐT: 0973727028	xóm Xuân Đăng 2. xã Tân Cương	4	6.000.000	6	36.000.000		20.000	6	0	10.000.000	46.000.000		-	46.000.000	Di chuyển chỗ ở
TỔNG CỘNG:			4			36.000.000	-			-	10.000.000	46.000.000		-	46.000.000	

2.1.5. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI ĐẤT VƯỜN, AO, ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRONG CÙNG THỪA ĐẤT Ở HOẶC ĐẤT CÓ NGUỒN GỐC LÀ ĐẤT VƯỜN, AO, ĐẤT NÔNG NGHIỆP CÙNG THỪA ĐẤT Ở NHƯNG ĐÃ TÁCH RA KHỎI THỪA ĐẤT Ở



DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 2)

(Phương án kèm Thông báo số 390 /TB-CNTTPTQĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Tiêu chí	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Tờ BĐĐC tham chiếu	Diện tích thu hồi được HT theo QĐ 15/2026/QĐ- UBND(m ²)	Loại đất	Vị trí	Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở		Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
									Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)		
-1	-2	-3	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	(10)=(6x9)	-11	-12
1	Nguyễn Thị Yến (SDD: 019164000779) SĐT: 0973727028					300,0				228.000.000	228.000.000	
			153	102		300,0	CLN	1	760.000	228.000.000	228.000.000	
TỔNG CỘNG:						300,0				228.000.000	228.000.000	

2.1.2. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG, HỖ TRỢ HỘ NGHÈO KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH
SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 2)

(Phương án kèm Thông báo số 390 /TB-CNTTPTQĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (m ²)	Hỗ trợ ổn định đời sống						Hỗ trợ hộ nghèo						Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
				Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng trong phạm vi xã, phường, TT nơi có đất thu hồi (m ²)	Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ bằng tiền 30Kg gạo tẻ (đồng/ khẩu/ tháng)	Thành tiền (đồng)	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (m ²)	Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ (đồng/ khẩu/ tháng)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(7x8x9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(13x14x15)	(17)=(10+16)	(18)
1	Nguyễn Thị Yến (SDD: 019164000779) SĐT: 0973727028	xóm Xuân Đặng 2. xã Tân Cương	1.262,0	2.337,4	54,0%	4	12	562.800	27.014.400		0,0%		-	500.000	-	27.014.400	Di chuyển chỗ ở
2	Nguyễn Thị Yến (SDD: 019164000779) SĐT: 0973727028; Nguyễn Văn Tuấn (SDD: 019073013377) - SĐT:0911 124 256, Nguyễn Thị Liên	xóm Xuân Đặng 2. xã Tân Cương		-	0,0%	0	0	562.800	0		0,0%		-	500.000	-	0	-
TỔNG CỘNG:			1.262,0	2.337,4					27.014.400	-		-			-	27.014.400	

2.1.1. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT, BỒI THƯỜNG CHI PHÍ ĐẦU TƯ VÀO ĐẤT CÒN LẠI, BỒI THƯỜNG CÂY HẰNG NĂM, HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, CHUYỂN ĐỔI NGHỀ VÀ TÌM KIẾM VIỆC LÀM, THƯỜNG BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 2)

(Phương án kèm Thông báo số 390 /TB-CNTTPTQĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BD ĐC)	Tờ BDDC tham chiếu	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Vị trí	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Bồi thường cây hằng năm		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm		Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh		Thưởng BGMB đất nông nghiệp (Chỉ được nhận khi bàn giao mặt bằng trước		Tổng cộng (đồng)
									Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	(11)=(7x10)	-12	(13)=(7x12)	-14	(15)=(7x14)	-16	(17)=(7x16)	-18	(19)=(7x18)	(20)=(11+13+15+17+19)
1	Nguyễn Thị Yến (SDD: 019164000779) SĐT: 0973727028				1.562,0	1.562,0	-			569.580.000	-	-		340.740.000		12.620.000		6.310.000	929.250.000
		153	102	153	300,0	300,0	ONT	1	1.520.000	456.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	456.000.000
					1.262,0	1.262,0	CLN	1	90.000	113.580.000	-	-	270.000	340.740.000	10.000	12.620.000	5.000	6.310.000	473.250.000
2	Nguyễn Thị Yến (SDD: 019164000779) SĐT: 0973727028; Nguyễn Văn Tuấn (SDD: 019073013377) - SĐT:0911 124 256, Nguyễn Thị Liên				888,0	888,0				79.920.000	-	-		239.760.000		8.880.000		4.440.000	333.000.000
	Đất tranh chấp				888,0	888,0	CLN		90.000	79.920.000	-	-	270.000	239.760.000	10.000	8.880.000	5.000	4.440.000	333.000.000
TỔNG CỘNG:					2.450,0	2.450,0				649.500.000	-	-	-	580.500.000	-	21.500.000	-	10.750.000	1.262.250.000

Số: 497/TB-CNTTPTQĐ

Đại Phúc, ngày 29 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc điều chỉnh bổ sung niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 2)

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Căn cứ Nghị Quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 HĐND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Đơn giá quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Trục đường và các khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công – Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên (Địa phận thành phố Sông Công);



Căn cứ Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 2);

Căn cứ Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2);

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 1319/TB-UBND ngày 25/4/2022 của UBND thành phố Sông Công để thực hiện dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2);

Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Đường du lịch Sông Công - Núi Cốc; Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc - Khu số 1 và dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc- Khu số 2.

Căn cứ Thông báo số 198/TB-SNNMT ngày 06/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên thông báo giá gạo tẻ tháng 6 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Thực hiện Thông báo số 83/TB-UBND ngày 23/3/2023 của UBND thành phố Sông Công thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường du lịch Sông Công - Núi Cốc; Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2) (bổ sung);

Thực hiện Thông báo số 408/TB-UBND ngày 21/11/2024 của UBND thành phố Sông Công về việc bổ sung một số tại Thông báo số 1319/TB-UBND ngày 25/4/2022 và Thông báo số 83/TB-UBND ngày 23/3/2023 của UBND thành phố Sông Công;

Thực hiện Thông báo số 84/TB-UBND ngày 30/3/2026 của UBND xã Tân Cương về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1); Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 2);

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 03/4/2026 của Phòng Kinh tế xã Tân Cương và Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II về việc thống nhất giá đất ở bồi thường để thực hiện dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2);

Căn cứ hồ sơ thống kê, kiểm đếm và các giấy tờ pháp lý liên quan;

Sau khi lập xong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai 2024, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 2), cụ thể như sau:

I. Nội dung niêm yết:

Toàn bộ dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB trước khi trình thẩm định, phê duyệt của 02 hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi

thu hồi thực hiện dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 2), cụ thể:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Tổng diện tích đất thu hồi:

Tổng diện tích đất thu hồi 2.450,0 m² của 02 hộ gia đình, cá nhân.

Trong đó:

- Đất ở tại nông thôn (ONT):	300,0 m ² ;
- Đất trồng cây lâu năm (CLN):	2.150,0 m ² ;
- Đất trồng cây hằng năm khác (BHK):	m ² ;
- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	m ² ;
- Đất trồng lúa (LUK)	m ²

b) Tổng dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 3.175.210.600 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, một trăm bảy mươi, sáu trăm đồng).

Trong đó:

- Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại:	649.500.000 đồng;
- Bồi thường, hỗ trợ tài sản:	1.401.446.200 đồng;
- Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo:	27.014.400 đồng;
- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:	553.500.000 đồng;
- Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản:	46.000.000 đồng;
- Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất NN trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất NN cùng thửa đất ở đã tách ra khỏi đất ở	304.000.000 đồng;
- Hỗ trợ gia đình chính sách:	đồng;
- Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh:	21.500.000 đồng;
- Thuởng bàn giao mặt bằng đất ở:	20.000.000 đồng;
- Thuởng bàn giao mặt bằng đất NN trước thời hạn:	10.250.000 đồng;
- Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp:	1.138.000.000 đồng

Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước

c) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Các hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu đăng ký hình thức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại Quyết định số 12/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 67/2026/QĐ-UBND ngày 17/6/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

d) Phương án bố trí tái định cư:

- Số hộ gia đình, cá nhân được bố trí tái định cư : 01 hộ gia đình, cá nhân.
- Khu tái định cư, địa điểm khu tái định cư:
 - + Khu số 1 và Khu số 2 (đối với các hộ đã đăng ký có diện tích cụ thể trong phụ lục chi tiết kèm theo; đối với các hộ chưa đăng ký, diện tích cụ thể theo kết quả xét của Hội đồng xét giao đất tái định cư thành phố trên cơ sở đơn đăng ký của từng hộ);
- Hình thức tái định cư (bằng đất, bằng nhà ở): Bằng đất ở.
- Diện tích đất ở tái định cư được giao (Có phụ lục kèm theo).
- Đơn giá tái định cư: Theo giá theo Nghị Quyết 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh quy định trong bảng giá đất và Biên bản xác định giá đất đối với các trục đường có vị trí tương đương trong bảng giá của UBND xã Tân Cương.
- Số tiền sử dụng đất người được bố trí tái định cư phải nộp vào ngân sách Nhà nước theo đơn giá trong bảng giá đất do HĐND tỉnh ban hành nhân với diện tích đất được giao.
- Trường hợp người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở và được bồi thường bằng giao đất ở nhưng tiền bồi thường về đất ở không đủ so với giá trị của một suất tái định cư tối thiểu thì được Nhà nước hỗ trợ tiền đủ để được giao một suất tái định cư tối thiểu (60m² tại phường hoặc 100m² tại xã) theo quy định tại khoản 8 Điều 111 Luật Đất đai 2024.

đ) Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản: Được lập chi tiết tại Mục 2 Phần I văn bản này.

e) Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

g) Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

h) Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Thực hiện phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt và tổ chức chi trả, nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi UBND xã Tân Cương phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

Thời gian bàn giao đất cho Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II theo khoản 2 Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

i) Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không có.

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư gồm:

2.1. Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất (Bảng tổng hợp được tổng hợp từ 03 phương án chi tiết dưới đây).

2.1.1. Phương án chi tiết về bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, bồi thường cây hàng năm, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn;

2.1.2. Phương án chi tiết về hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất;

2.1.3. Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản khi Nhà nước thu hồi đất đối với từng chủ sở hữu tài sản.

2.2. Phương án tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

II. Tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II kính mời các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) đến tham dự hội nghị lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi hết thời gian niêm yết theo thông báo. Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không tham gia họp trực tiếp có lý do chính đáng thì gửi Phiếu đóng góp ý kiến trực tiếp đến Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II.

Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nộp Phiếu đóng góp ý kiến gửi kèm Thông báo này được coi là đồng ý với dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II đề nghị UBND xã Tân Cương chỉ đạo cơ quan chuyên môn đăng tải dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên cổng thông tin điện tử của xã.

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II thông báo đề UBND, Ủy ban MTTQ xã Tân Cương, xóm Xuân Đăng 2, xã Tân Cương; hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi thực hiện dự án và các đối tượng liên quan biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND xã Tân Cương;
- Ủy ban MTTQ xã Tân Cương;
- Xóm Xuân Đăng 2;
- Các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi theo Mục 2 Phần I Thông báo này;
- Lưu: VT, CNTTPTQĐ. Minhdt (10b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lưu Văn Tuyên



2.1. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 2)

(Phương án Kèm Thông báo số 497 /TB-CNTTPTQĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

DVT: đồng

ST T	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Bồi thường, hỗ trợ tài sản		Các khoản hỗ trợ, thưởng khi Nhà nước thu hồi đất								Tổng Cộng
					Bồi thường cây hàng năm	Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách	Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Thưởng BGMB đất ở (Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)	Thưởng BGMB đất nông nghiệp (Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13	-14	-15	(16)=(5+6+...+15)
1	Nguyễn Thị Yến (SDD: 019164000779) SĐT: 0973727028	xóm Xuân Đặng 2. xã Tân Cương	1.562,0	712.580.000	-	1.401.446.200	27.014.400	313.740.000	46.000.000	-	304.000.000	11.620.000	20.000.000	5.810.000	2.842.210.600
2	Nguyễn Thị Yến (SDD: 019164000779) SĐT: 0973727028; Nguyễn Văn Tuấn (SDD: 019073013377) SĐT:0911 124 256, Nguyễn Thị Liên	xóm Xuân Đặng 2. xã Tân Cương	888,0	79.920.000	-		-	239.760.000			-	8.880.000		4.440.000	333.000.000
A	TỔNG CỘNG:		2.450,0	792.500.000	-	1.401.446.200	27.014.400	553.500.000	46.000.000	-	304.000.000	20.500.000	20.000.000	10.250.000	3.175.210.600

2.2. PHƯƠNG ÁN TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 2)

(Phương án kèm Thông báo số 497 /TB-CNTTPTQĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tổ bản đồ trích lục (Từ BĐ ĐC)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Số cấp vợ chồng hoặc số thể hệ đủ điều kiện tách hộ (hộ)	Địa điểm	Bồi thường bằng đất ở, đất ở TĐC có thu tiền sử dụng đất				Hỗ trợ tái định cư (Hỗ trợ tiền đủ để được giao một suất tái định cư tối thiểu)		
							Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)			Vị trí	Diện tích (m ²)	Đơn giá theo QĐ số 48/QĐ- UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (đồng/m ²)	Tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Suất TĐC tối thiểu (m ²)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	(9)=(6x8)	-10	-11	-12	-13	-14	(15)=13x14	-16	(17=16x14) 4)	(18=9-17)
1	Nguyễn Thị Yến (SDD: 019164000779) SBT: 0973727028	xóm Xuân Đặng 2, xã Tân Cương	153	102	400,0	ONT	1.520.000	608.000.000		Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công Núi Cốc (Khu số 1)	Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 35,4m. (Từ cầu vượt Sông Công đến hết ô quy hoạch C.HH3) (Lô 1 C.LK43), một mặt đường	100,0	3.300.000	330.000.000			
											Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 15,5m, (Lô 2 C.LK43), một mặt đường	100,0	1.700.000	170.000.000			
										Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công Núi Cốc (Khu số 2)	Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 35,4m. (Từ cầu vượt Sông Công đến hết ô quy hoạch C.HH3) (Lô 1 CHH3-1), hai mặt đường	100,0	3.630.000	363.000.000			
											Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 27m, (Lô 2 C.LK3-1), hai mặt đường	100,0	2.750.000	275.000.000			
TỔNG CỘNG:					400,0		608.000.000	-			400,0		1.138.000.000	-	-	-	



2.4. BẢNG TỔNG HỢP SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN

ĐU'ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH
SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 2)

(Phương án kèm Thông báo số 497 /TB-CNTTPTQĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

DVT: đồng DVT: đồng

STT	Tên chủ sử dụng (Cố định danh cá nhân, số giấy phép)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)		Tiền bồi thường, hỗ trợ đã phê duyet (đồng)		Bồi thường bằng đất ở, đất ở TDC có thu tiền sử dụng đất			Bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất theo Điều 3, Quyết định 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026			Số tiền chênh lệch giữa tiền bồi thường đất ở và tiền sử dụng đất phải nộp		Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)	Số tiền được ghi nợ (nếu có)	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất	Ghi chú
			Đất khác	Đất ở	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt	Trong đó Bồi thường về đất ở	Diện tích (m2)	Đơn giá theo NQ số 33/NQ- HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (đồng)	Thành tiền (đồng)	Diện tích (m2)	Đơn giá theo NQ số 33/NQ- HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được nhận	Số tiền phải nộp khi thực hiện thủ tục giao đất				
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	(10)=(8x9)	(14)	(15)	(16)=(14x15)	(17)=(7)-(10)	(18)=(10)+(16)-(7)	-19	-20	(21)=(6-7)	-12
1	Nguyễn Thị Yến (SDD: 019164090779) SĐT: 0373727028	xóm Xuân Đặng 2. xã Tân Cương	1.162,0	400,0	2.842.210.600	608.000.000	100,0	3.630.000	363.000.000						530.000.000		2.234.210.600	Di chuyển chỗ ở
							100,0	1.700.000	170.000.000									
							100,0	3.300.000	330.000.000									
							100,0	2.750.000	275.000.000									
	Nguyễn Thị Yến (SDD: 019164090779) SĐT: 0373727028; Nguyễn Văn Tuấn (SDD: 019073013377) - SĐT:0911 124 256, Nguyễn Thị Liên	xóm Xuân Đặng 2. xã Tân Cương	888,0		333.000.000												333.000.000	
A	TỔNG CỘNG:		2.050,0	400,0	3.175.210.600	608.000.000	400,0		1.138.000.000			0	0	530.000.000			2.567.210.600	

2.1.5. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI ĐẤT VƯỜN, AO, ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRONG CÙNG THỪA ĐẤT Ở HOẶC ĐẤT CÓ NGUỒN GỐC LÀ ĐẤT VƯỜN, AO, ĐẤT NÔNG NGHIỆP CÙNG THỪA ĐẤT Ở NHƯNG ĐÃ TÁCH RA KHỎI THỪA ĐẤT Ở
DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 2)



(Phương án kèm Thông báo số 497 /TB-CNTTPTQĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Tiêu chí	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Tờ BĐĐC tham chiếu	Diện tích thu hồi được HT theo QĐ 15/2026/QĐ- UBND(m ²)	Loại đất	Vị trí	Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở		Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
									Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)		
-1	-2	-3	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	(10)=(6x9)	-11	-12
1	Nguyễn Thị Yến (SDD: 019164000779) SĐT: 0973727028					400,0				304.000.000	304.000.000	
2			153	102		400,0	CLN	1	760.000	304.000.000	304.000.000	
TỔNG CỘNG:						400,0				304.000.000	304.000.000	

Số: 491/TB-CNTTPTQĐ

Đại Phúc, ngày 26 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc Niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1)

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Đơn giá quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Trục đường và các khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên (Địa phận thành phố Sông Công);

Căn cứ Nghị Quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 HĐND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1);

Căn cứ Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2);

Căn cứ Quyết định số 67/2026/QĐ-UBND ngày 17/6/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ giải quyết việc làm, hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 1319/TB-UBND ngày 25/4/2022 của UBND thành phố Sông Công để thực hiện dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2);

Căn cứ Thông báo số 198/TB-SNNMT ngày 06/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên thông báo giá gạo tẻ tháng 6 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Thực hiện Thông báo số 83/TB-UBND ngày 23/3/2023 của UBND thành phố Sông Công thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường du lịch Sông Công - Núi Cốc; Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2) (bổ sung);

Thực hiện Thông báo số 408/TB-UBND ngày 21/11/2024 của UBND thành phố Sông Công về việc bổ sung một số tại Thông báo số 1319/TB-UBND ngày 25/4/2022 và Thông báo số 83/TB-UBND ngày 23/3/2023 của UBND thành phố Sông Công;

Thực hiện Thông báo số 84/TB-UBND ngày 30/3/2026 của UBND xã Tân Cương về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1); Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 2);

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 03/4/2026 của Phòng Kinh tế xã Tân Cương và Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II về việc thống nhất giá đất ở bồi thường để thực hiện dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2);

Căn cứ hồ sơ thống kê, kiểm đếm và các giấy tờ pháp lý liên quan;

Sau khi lập xong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai 2024, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1), cụ thể như sau:

I. Nội dung niêm yết:

Toàn bộ dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB trước khi trình thẩm định, phê duyệt của 04 hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi

d) Phương án bố trí tái định cư:

- Số hộ gia đình, cá nhân được bố trí tái định cư : 04 hộ gia đình, cá nhân.
- Khu tái định cư, địa điểm khu tái định cư:
 - + Khu số 1 (đối với các hộ đã đăng ký có diện tích cụ thể trong phụ lục chi tiết kèm theo; đối với các hộ chưa đăng ký, diện tích cụ thể theo kết quả xét của Hội đồng xét giao đất tái định cư thành phố trên cơ sở đơn đăng ký của từng hộ);
- Hình thức tái định cư (bằng đất, bằng nhà ở): Bằng đất ở.
- Diện tích đất ở tái định cư được giao (Có phụ lục kèm theo).
- Đơn giá tái định cư: Theo giá theo Nghị Quyết 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh quy định trong bảng giá đất và Biên bản thống nhất phương án giá của UBND xã Tân Cương.
- Số tiền sử dụng đất người được bố trí tái định cư phải nộp vào ngân sách Nhà nước theo đơn giá trong bảng giá đất do HĐND tỉnh ban hành nhân với diện tích đất được giao.
- Trường hợp người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở và được bồi thường bằng giao đất ở nhưng tiền bồi thường về đất ở không đủ so với giá trị của một suất tái định cư tối thiểu thì được Nhà nước hỗ trợ tiền đủ để được giao một suất tái định cư tối thiểu (60m² tại phường hoặc 100m² tại xã) theo quy định tại khoản 8 Điều 111 Luật Đất đai 2024.

đ) Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản: Được lập chi tiết tại Mục 2 Phần I văn bản này.

e) Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

g) Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

h) Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Thực hiện phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt và tổ chức chi trả, nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi UBND xã Tân Cương phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

Thời gian bàn giao đất cho Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II theo khoản 2 Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

i) Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không có.

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư gồm:

2.1. Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất (Bảng tổng hợp được tổng hợp từ 03 phương án chi tiết dưới đây).

2.1.1. Phương án chi tiết về bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, bồi thường cây hàng năm, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn;



thu hồi thực hiện dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1), cụ thể:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Tổng diện tích đất thu hồi:

Tổng diện tích đất thu hồi 10.087,4 m² của 04 hộ gia đình, cá nhân.

Trong đó:

- Đất ở tại nông thôn (ONT):	1.212,0 m ² ;
- Đất trồng cây lâu năm (CLN):	7.949,1 m ² ;
- Đất trồng cây hằng năm khác (BHK):	357,2 m ² ;
- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	569,1 m ² ;
- Đất trồng lúa (LUK)	m ²

b) Tổng dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 10.391.380.700

đồng (Bằng chữ: Mười tỷ, ba trăm chín mươi một triệu, ba trăm tám mươi nghìn, bảy trăm đồng)

Trong đó:

- Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại:	2.273.150.000 đồng;
- Bồi thường, hỗ trợ tài sản:	4.602.406.500 đồng;
- Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo:	114.811.200 đồng;
- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:	2.407.074.000 đồng;
- Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản:	92.000.000 đồng;
- Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất NN trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất NN cùng thửa đất ở đã tách ra khỏi đất ở	728.800.000 đồng;
- Hỗ trợ gia đình chính sách:	đồng;
- Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh:	88.754.000 đồng;
- Thường bàn giao mặt bằng đất ở:	40.000.000 đồng;
- Thường bàn giao mặt bằng đất NN trước thời hạn:	44.377.000 đồng;
- Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp:	3.436.000.000 đồng

Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước

c) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Các hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu đăng ký hình thức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại Quyết định số 12/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 67/2026/QĐ-UBND ngày 17/6/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

2.1.2. Phương án chi tiết về hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất;
2.1.3. Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản khi Nhà nước thu hồi đất đối với từng chủ sở hữu tài sản.

2.2. Phương án tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

II. Địa điểm niêm yết:

Tại trụ sở UBND xã Tân Cương (Trung tâm phục vụ hành chính công) và tại nhà văn hóa xóm Xuân Đăng 1, xóm Xuân Đăng 2, xã Tân Cương.

III. Thời gian niêm yết: Từ ngày **26/6/2026** đến hết ngày **06/7/2026**.

IV. Người có ý kiến góp ý, kiến nghị về phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB: Thì gửi phiếu đóng góp ý kiến về dự thảo phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II (Có mẫu Phiếu đóng góp ý kiến gửi kèm Thông báo này).

V. Thời gian tiếp nhận ý góp ý, kiến nghị: Từ ngày **26/6/2026** đến hết ngày **06/7/2026**.

VI. Tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II kính mời các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) đến tham dự hội nghị lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi hết thời gian niêm yết theo thông báo. Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không tham gia họp trực tiếp có lý do chính đáng thì gửi Phiếu đóng góp ý kiến trực tiếp đến Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II.

Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nộp Phiếu đóng góp ý kiến gửi kèm Thông báo này được coi là đồng ý với dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II đề nghị UBND xã Tân Cương chỉ đạo cơ quan chuyên môn đăng tải dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên cổng thông tin điện tử của xã.

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II thông báo đề UBND, Ủy ban MTTQ xã Tân Cương, xóm Xuân Đăng 2, xã Tân Cương; hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi thực hiện dự án và các đối tượng liên quan biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND xã Tân Cương;
- Ủy ban MTTQ xã Tân Cương;
- Xóm Xuân Đăng 1, Xuân Đăng 2;
- Các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi theo Mục 2 Phần I Thông báo này;
- Lưu: VT, CNTTPTQĐ. Minhht (10b). *HT*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lưu Văn Tuyên

2.1. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH
SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 1)

(Phương án kèm Thông báo số 491 /TB-CNTTPTQĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

ĐVT: đồng

ST T	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Bồi thường, hỗ trợ tài sản		Các khoản hỗ trợ, thường khi Nhà nước thu hồi đất								Tổng Cộng	Ghi Chú
					Bồi thườn g cây hàng năm	Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách	Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Thường BGMB đất ở (Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)	Thường BGMB đất nông nghiệp (Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)		
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13	-14	-15	(16)=(5+6+...+15)	-17
1	Nguyễn Văn Quân (SDD: 019068000822) - SĐT: Ngô Thị Mai (SDD:019168000972, SĐT: 0347792568)	xóm Xuân Đặng 2, xã Tân Cương	6.647,7	1.139.893.000	-	1.464.532.700	81.043.200	1.686.879.000	46.000.000	-	288.800.000	62.477.000	20.000.000	31.238.500	4.820.863.400	Di chuyển chỗ ở
2	Đinh Văn An (SDD: 040062003784) - SĐT: 0976799928; Phạm Thị Hiền (SDD: 019162006463	xóm Xuân Đặng 1, xã Tân Cương	1.752,0	577.372.000	-	3.137.873.800	33.768.000	372.516.000	46.000.000		220.000.000	13.400.000	20.000.000	6.700.000	4.427.629.800	Di chuyển chỗ ở
3	Đinh Văn Trung (SDD: 040096032233) - SĐT: 0976799928 (Đinh Văn An được ủy quyền)	Khu 5, Trung Đô, phường Trương Vinh, Ninh Hòa	200,0	220.000.000	-		-	-	-		-	-		-	220.000.000	Không di chuyển chỗ ở
4	Đinh Văn Thế Anh (SDD: 019092000718) - SĐT: 0976799928 (Đinh Văn An được ủy quyền)	xóm Xuân Đặng 1, xã Tân Cương	1.487,7	335.893.000	-		-	347.679.000		-	220.000.000	12.877.000		6.438.500	922.887.500	(chung khẩu hộ Đinh Văn An)
A	TỔNG CỘNG:		10.087,4	2.273.158.000	-	4.602.406.500	114.811.200	2.407.074.000	92.000.000	-	728.800.000	88.754.000	40.000.000	44.377.000	10.391.380.700	

2.4. BẢNG TỔNG HỢP SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN
DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH
SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 1)

(Phương án kèm Thông báo số 491 /TB-CNTTPTQĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

ĐVT: đồng ĐVT: đồng

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)		Tiền bồi thường, hỗ trợ đã phê duyệt (đồng)		Bồi thường bằng đất ở, đất ở TĐC có thu tiền sử dụng đất			Số tiền chênh lệch giữa tiền bồi thường đất ở và tiền sử dụng đất phải nộp		Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)	Số tiền được ghi nợ (nếu có)	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất	Ghi chú			
			Đất khác	Đất ở	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt	Trong đó Bồi thường về đất	Diện tích (m2)	Đơn giá theo NQ số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được nhận	Số tiền phải nộp khi thực hiện thủ tục giao đất							
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	(10)=(8x9)	(17)=(7)-(10)	(18)=(10)+(16)-(7)	-19	-20	(21)=(6-7)	-12			
1	Nguyễn Văn Quân (SDD: 019068000822) - SĐT: Ngô Thị Mai (SDD: 019168000972, SĐT: 0347792568)	xóm Xuân Đăng 2, xã Tân Cương	6.247,7	400,0	4.820.863.400	1.139.893.000	100,0	3.300.000	330.000.000		133.107.000			3.680.970.400	Di chuyển chỗ ở			
							100,0	2.530.000	253.000.000									
							200,0	2.300.000	460.000.000									
							100,0	2.300.000	230.000.000									
	CỘNG		6.247,7	400,0	4.820.863.400	1.139.893.000	500,0	10.430.000	1.273.000.000	-	133.107.000	-	-	3.680.970.400				
2	Đình Văn An (SDD: 040362003784) - SĐT: 0976799928; Phạm Thị Hiền (SDD: 019162006463)	xóm Xuân Đăng 1, xã Tân Cương	1.340,0	106,0	4.427.629.800	208.822.000	100,0	3.300.000	330.000.000		121.178.000			3.850.257.800	Di chuyển chỗ ở			
	Phạm Thị Hiền (SDD: 019162006463)			306,0		368.550.000	100,0	2.530.000	253.000.000		344.450.000							
							200,0	2.300.000	460.000.000									

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)		Tiền bồi thường, hỗ trợ đã phê duyệt (đồng)		Bồi thường bằng đất ở, đất ở TĐC có thu tiền sử dụng đất			Số tiền chênh lệch giữa tiền bồi thường đất ở và tiền sử dụng đất phải nộp		Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)	Số tiền được ghi nợ (nếu có)	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất	Ghi chú
			Đất khác	Đất ở	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt	Trong đó Bồi thường về đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá theo NQ số 33/NQ- HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được nhận	Số tiền phải nộp khi thực hiện thủ tục giao đất				
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	(10)=(8x9)	(17)=(7)- (10)	(18)=(10)+(16)- (7)	-19	-20	(21)=(6-7)	-12
	CỘNG		1.340,0	412,0	4.427.629.800	577.372.000	400,0	8.130.000	1.043.000.000	-	465.628.000	-	-	3.850.257.800	
3	Đinh Văn Trung (SDD: 040096032233) - SĐT: 0976799928 (Đinh Văn An được uỷ quyền)	Khối 3, Trung Đô, phường Trường Vinh, Nghệ		200,0	220.000.000	220.000.000	100,0	3.300.000	330.000.000		340.000.000			0	Không di chuyển chỗ ở
							100,0	2.300.000	230.000.000						
	CỘNG		-	200,0	220.000.000	220.000.000	200,0		560.000.000		340.000.000				
4	Đinh Văn Thế Anh (SDD: 019092000718) - SĐT: 0976799928 (Đinh Văn An được uỷ quyền)	xóm Xuân Đăng 1, xã Tân Cương		200,0	922.887.500	335.893.000	100,0	3.300.000	330.000.000		224.107.000			586.994.500	(chung khẩu hộ Đinh Văn An)
							100,0	2.300.000	230.000.000						
	CỘNG		-	200,0	922.887.500	335.893.000	200,0		560.000.000		224.107.000				
A	TỔNG CỘNG:		7.587,7	1.212,0	10.391.380.700	2.273.158.000	1.300,0		3.436.000.000	-	1.162.842.000	-	-	8.118.222.700	-

2.1.2. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG, HỖ TRỢ HỘ NGHÈO KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH
SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 1)

(Phương án kèm Thông báo số 491 /TB-CNTTPTQĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (m ²)	Hỗ trợ ổn định đời sống						Hỗ trợ hộ nghèo						Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
				Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng trong phạm vi xã, phường, TT nơi có đất thu hồi (m ²)	Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ bằng tiền 30Kg gạo tẻ (đồng/ khẩu/ tháng)	Thành tiền (đồng)	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (m ²)	Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ (đồng/ khẩu/ tháng)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(7x8x9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(13x14x15)	(17)=(10+16)	(18)
1	Nguyễn Văn Quân (SDD: 019068000822) - SET: Ngô Thị Mai (SDD:019168000972, SDT: 0347792568)	xóm Xuân Đặng 2, xã Tân Cương	6.247,7	6.967,7	89,7%	6	24	562.800	81.043.200		0,0%		-	500.000	-	81.043.200	Di chuyển chỗ ở
2	Đinh Văn An (SDD: 040362003784) - SĐT: 0976799928; Phạm Thị Hiền (SDD: 019162006463	xóm Xuân Đặng 1, xã Tân Cương	2.627,7	7.805,8	33,7%	5	12	562.800	33.768.000		0,0%			500.000		33.768.000	Di chuyển chỗ ở
3	Đinh Văn Trung (SDD: 040096032233) - SĐT: 0976799928 (Đinh Văn An được uỷ quyền)	Khối 3, Trung Đô, phường Trường Vinh, Nghệ An		-	0,0%	0	0	562.800	0		0,0%			500.000		0	Không di chuyển chỗ ở
4	Đinh Văn Thế Anh (SDD: 019092000718) - SĐT: 0976799928 (Đinh Văn An được uỷ quyền)	Khối 3, Trung Đô, phường Trường Vinh, Nghệ An	1.287,7	-	0,0%	0	3	562.800	0		0,0%			500.000		0	(chung khẩu hộ Đinh Văn An)
TỔNG CỘNG:			10.163,1	14.773,5					114.811.200	-		-			-	114.811.200	

2.1.5. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI ĐẤT VƯỜN, AO, ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRONG CÙNG THỪA ĐẤT Ở HOẶC ĐẤT CÓ NGUỒN GỐC LÀ ĐẤT VƯỜN, AO, ĐẤT NÔNG NGHIỆP CÙNG THỪA ĐẤT Ở NHƯNG ĐÃ TÁCH RA KHỎI THỪA ĐẤT Ở

DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 1)

(Phương án kèm Thông báo số 491 /TB-CNTTPTQĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Tiêu chí	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Tờ BĐĐC tham chiếu	Diện tích thu hồi được HT theo QĐ 15/2026/QĐ- UBND(m ²)	Loại đất	Vị trí	Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở		Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
									Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)		
-1	-2	-3	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	(10)=(6x9)	-11	-12
1	Nguyễn Văn Quân (SDD: 019068000822) - SĐT: Ngô Thị Mai (SDD:019168000972, SĐT: 0347792568)					400,0				288.800.000	288.800.000	
			78(468)	102		400,0	CLN	1	722.000	288.800.000	288.800.000	
2	Đinh Văn An (SDD: 040062003784) - SĐT: 0976799928; Phạm Thị Hiền (SDD: 019162006463					400,0				220.000.000	220.000.000	
			491(471)	103		400,0	CLN	1	550.000	220.000.000	220.000.000	
4	Đinh Văn Thế Anh (SDD: 019092000718) - SĐT: 0976799928 (Đinh Văn An được uỷ quyền)					400,0		-		220.000.000	220.000.000	
			10(159)	103		400,0	CLN	1	550.000	220.000.000	220.000.000	
TỔNG CỘNG:						1.200,0	-			728.800.000	728.800.000	

2.1.1. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT, BỒI THƯỜNG CHI PHÍ ĐẦU TƯ VÀO ĐẤT CÒN LẠI, BỒI THƯỜNG CÂY HẰNG NĂM, HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, CHUYỂN ĐỔI NGHỀ VÀ TÌM KIẾM VIỆC LÀM, THƯỜNG BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN
DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH
SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 1)

(Phương án kèm Thông báo số 491 /TB-CNTTPTQĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Tờ BĐĐC tham chiếu	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Vị trí	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Bồi thường cây hàng năm		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm		Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh		Thưởng BGMB đất nông nghiệp (Chỉ được nhận khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn)		Tổng cộng (đồng)
									Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	(11)=(7x10)	-12	(13)=(7x12)	-14	(15)=(7x14)	-16	(17)=(7x16)	-18	(19)=(7x18)	(20)=(11+13+15+17+19)
1	Nguyễn Văn Quân (SDD: 019068000822) - SĐT: Ngô Thị Mai (SDD:019168000972, SĐT: 0347792568)				6.647,7	6.647,7				1.139.893.000		0		1.686.879.000		62.477.000		31.238.500	2.920.487.500
					400,0	400,0	ONT	1	1.444.000	577.600.000	-	-	-	-	-	-	-	-	577.600.000
	Cùng thửa đất ở				1.847,0	1.847,0	CLN	1	90.000	166.230.000	-	-	270.000	498.690.000	10.000	18.470.000	5.000	9.235.000	692.625.000
		77(119)	106(102(20-II))	153	569,1	569,1	NTS	1	90.000	51.219.000	-	-	270.000	153.657.000	10.000	5.691.000	5.000	2.845.500	213.412.500
					499,6	499,6	CLN	1	90.000	44.964.000	-	-	270.000	134.892.000	10.000	4.996.000	5.000	2.498.000	187.350.000
					3.332,0	3.332,0	CLN	1	90.000	299.880.000	-	-	270.000	899.640.000	10.000	33.320.000	5.000	16.660.000	1.249.500.000
2	Đình Văn An (SDD: 040062603784) - SĐT: 0976799928; Phạm Thị Hiền (SDD: 019162006463				1.917,6	1.752,0				577.372.000		0		372.516.000		13.400.000		6.700.000	969.988.000
	Phạm Thị Hiền	166(161)	103		306,0	306,0	ONT	1	1.100.000	336.600.000	-	-	-	-	-	-	-	-	336.600.000
	Cùng thửa đất ở				355,0	355,0	CLN	1	90.000	31.950.000	-	-	270.000	95.850.000	10.000	3.550.000	5.000	1.775.000	133.125.000
					106,0	106,0	ONT	1	1.100.000	116.600.000	-	-	-	-	-	-	-	-	116.600.000
	Cùng thửa đất ở	5(85)	20-II	154	627,8	627,8	CLN	1	90.000	56.502.000	-	-	270.000	169.506.000	10.000	6.278.000	5.000	3.139.000	235.425.000

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Số thửa trực (Số lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Tờ BĐĐC tham chiếu	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Vị trí	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Bồi thường cây hàng năm		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm		Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh		Thưởng BGMB đất nông nghiệp (Chỉ được nhận khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn)		Tổng cộng (đồng)
									Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	(11)=(7x10)	-12	(13)=(7x12)	-14	(15)=(7x14)	-16	(17)=(7x16)	-18	(19)=(7x18)	(20)=(11+13+15+17+19)
		91	103		293,3	293,3	HNK	1	100.000	29.330.000	-	-	300.000	87.990.000	10.000	2.933.000	5.000	1.466.500	121.719.500
		90	103		229,5	63,9	HNK	1	100.000	6.390.000	-	-	300.000	19.170.000	10.000	639.000	5.000	319.500	26.518.500
3	Đinh Văn Trung (SDD: 040096032233) - SDT: 0976799928 (Đinh Văn An được uỷ quyền)				200,0	200,0				220.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	220.000.000
		164(160)	103	154	200,0	200,0	ONT	1	1.100.000	220.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	220.000.000
4	Đinh Văn Thế Anh (SDD: 019092000718) - SDT: 0976799928 (Đinh Văn An được uỷ quyền)				200,0	1.487,7				335.893.000	0	0		347.679.000		12.877.000		6.438.500	702.887.500
					200,0	200,0	ONT	1	1.100.000	220.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	220.000.000
	Cùng thửa đất ở	10(159)	103	154	-	1.287,7	CLN	1	90.000	115.893.000	-	-	270.000	347.679.000	10.000	12.877.000	5.000	6.438.500	482.887.500
TỔNG CỘNG:					8.965,3	10.087,4			-	2.273.158.000	-	-	-	2.407.074.000	-	88.754.000	-	44.377.000	4.813.363.000

2.2. PHƯƠNG ÁN TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH
SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 1)

(Phương án kèm Thông báo số 491 /TB-CNTTPTQĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Địa điểm	Bồi thường bằng đất ở, đất ở TĐC có thu tiền sử dụng đất				Hỗ trợ tái định cư (Hỗ trợ tiền đủ để được giao một suất tái định cư tối thiểu)		
							Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)		Vị trí	Diện tích (m ²)	Đơn giá theo Nghị Quyết số 33/2025/NQ- HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (đồng/m ²)	Tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Suất TĐC tối thiểu (m ²)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	(9)=(6x8)	-11	-12	-13	-14	(15)=13x14	-16	(17=16x14)	(18=9-17)
	CỘNG				400,0	0		577.600.000	0	0	400,0		1.043.000.000			
1	Nguyễn Văn Quân (SBD: 019058000822) SET: Ngô Thị Mai (SBD:019168000972, SET: 0347792568)	xóm Xuân Đãng 2, xã Tân Cương	77(11 9)	106(102(20- II)	400,0	ONT	1.444.000	577.600.000	Tại dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1), xã Tân Cương	Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 35,4m. (Từ cầu vượt Sông Công đến hết ô quy hoạch C.HH11-1), một mặt đường, một mặt thoáng	100,0	3.300.000	330.000.000			
										Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 25,5m, C.BT1 hai mặt đường	100,0	2.530.000	253.000.000			
										Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 25,5m, C.BT1, một mặt đường	200,0	2.300.000	460.000.000			
	CỘNG				412,0	-		453.200.000	-	-	400,0		1.043.000.000			

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Địa điểm	Bồi thường bằng đất ở, đất ở TĐC có thu tiền sử dụng đất				Hỗ trợ tái định cư (Hỗ trợ tiền đủ để được giao một suất tái định cư tối thiểu)		
							Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)		Vị trí	Diện tích (m ²)	Đơn giá theo Nghị Quyết số 33/2025/NQ- HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (đồng/m ²)	Tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Suất TĐC tối thiểu (m ²)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	(9)=(6x8)	-11	-12	-13	-14	(15)=13x14	-16	(17)=16x14	(18)=9-17
2	Đinh Văn An (SDD: 040062003784) - SĐT: 0976799928; Phạm Thị Hiền (SDD: 019462006463	xóm Xuân Đặng 1, xã Tân Cương	488(4 70)	103	306,0		1.100.000	336.600.000	Tại dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1), xã Tân Cương	Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 35,4m. (Từ cầu vượt Sông Công đến hết ô quy hoạch C.HH11-1), một mặt đường	100,0	3.300.000	330.000.000			
			109	103	106,0	ONT	1.100.000	116.600.000		Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 25,5m, C.BT1 hai mặt đường	100,0	2.530.000	253.000.000			
	Phạm Thị Hiền (SDD: 019162006463		109	103	627,8	ONT	1.100.000	690.580.000		Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 25,5m, C.BT1, một mặt đường	200,0	2.300.000	460.000.000			
	Cộng tổng				200,0	-		220.000.000	-	-	200,0		560.000.000	-	-	-
3	Đinh Văn Trung (SDD: 040096032233) SĐT: 0976799928 (Đinh Văn An được ủy quyền)	Khối 3, Trung Đô, phường Trường Vinh, Nghệ An	164(1 60)	103	200,0	ONT	1.100.000	220.000.000	Tại dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1), xã Tân Cương	Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 35,4m. (Từ cầu vượt Sông Công đến hết ô quy hoạch C.HH11-1), một mặt đường	100,0	3.300.000	330.000.000			
										Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 25,5m, C.BT1, một mặt đường	100,0	2.300.000	230.000.000			

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Địa điểm	Bồi thường bằng đất ở, đất ở TĐC có thu tiền sử dụng đất				Hỗ trợ tái định cư (Hỗ trợ tiền đủ để được giao một suất tái định cư tối thiểu)		
							Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)		Vị trí	Diện tích (m ²)	Đơn giá theo Nghị Quyết số 33/2025/NQ- HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (đồng/m ²)	Tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Suất TĐC tối thiểu (m ²)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	(9)=(6x8)	-11	-12	-13	-14	(15)=13x14	-16	(17=16x14)	(18=9-17)
	CỘNG				200,0			220.000.000			200,0		560.000.000			
4	Đinh Văn Thế Anh (SDD: 019092000718) SDT: 0976799928 (Đinh Văn An được ủy quyền)	xóm Xuân Đặng 1, xã Tân Cương	10(15 9)	103	200,0	ONT	1.100.000	220.000.000	Tại dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1), xã Tân Cương	Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 35,4m. (Từ cầu vượt Sông Công đến hết ô quy hoạch C.HH11-1), một mặt đường	100,0	3.300.000	330.000.000			
										Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 25,5m, C.BT1, một mặt đường	100,0	2.300.000	230.000.000			
TỔNG CỘNG:					1.212,0	-	-	1.470.800.000	-	-	1.200,0		3.206.000.000	-	-	-

2.3. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG BẰNG ĐẤT CÓ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG KHÁC VỚI LOẠI ĐẤT THU HỒI
DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH
SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 1)

(Phương án kèm Thông báo số 491 /TB-CNTTPTQĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

DVT: Đồng

Số TT	Họ tên người có đất thu hồi	Vị trí thu hồi đất					Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất được phê duyệt	Trong đó			Bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất theo Điều 3, Quyết định 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026					Số tiền chênh lệch giữa tiền bồi thường đất và tiền sử dụng đất phải nộp		
		Địa chỉ	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích đất thu hồi (m2)	Loại đất		Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Địa chỉ khu đất	Vị trí thửa đất	Diện tích (m2)	Loại đất	Đơn giá theo QĐ số 48/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (đồng/m2)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được nhận	Số tiền phải nộp khi thực hiện thủ tục giao đất
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	13	14	15	16	17	18=14*16	19=8-18	20=8-18
3	Nguyễn Văn Quân (SĐD: 019068000822) - SĐT: Ngô Thị Mai (SĐD:019168000972, SĐT: 0347792568)	xóm Xuân Đăng 2, xã Tân Cương	77(119)	102	1847,0	CLN	683.390.000	166.230.000	498.690.000	18.470.000	Tại dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1), tại xã Tân Cương	Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 25,5m, (C.BT1 - lô 1) một mặt đường	100,0	ONT	2.300.000	230.000.000	2.081.649.000	
					569,1	NTS	210.567.000	51.219.000	153.657.000	5.691.000								
					499,6	CLN	184.852.000	44.964.000	134.892.000	4.996.000								
					3332,0	CLN	1.232.840.000	299.880.000	899.640.000	33.320.000								
					6.247,7	0,0	2.311.649.000	562.293.000	1.686.879.000	62.477.000						230.000.000	2.081.649.000	

Số: 513/TB-CNTTPTQĐ

Đại Phúc, ngày 30 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc sửa đổi, bổ sung dự thảo phương bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1) kèm theo Thông báo số 491/TB-CNTTPTQĐ ngày 26/6/2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Đơn giá quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Trục đường và các khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên (Địa phận thành phố Sông Công);



Căn cứ Nghị Quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 HĐND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1);

Căn cứ Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2);

Căn cứ Quyết định số 67/2026/QĐ-UBND ngày 17/6/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ giải quyết việc làm, hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 1319/TB-UBND ngày 25/4/2022 của UBND thành phố Sông Công để thực hiện dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2);

Căn cứ Thông báo số 198/TB-SNNMT ngày 06/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên thông báo giá gạo tẻ tháng 6 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Thực hiện Thông báo số 83/TB-UBND ngày 23/3/2023 của UBND thành phố Sông Công thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường du lịch Sông Công - Núi Cốc; Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2) (bổ sung);

Thực hiện Thông báo số 408/TB-UBND ngày 21/11/2024 của UBND thành phố Sông Công về việc bổ sung một số tài sản tại Thông báo số 1319/TB-UBND ngày 25/4/2022 và Thông báo số 83/TB-UBND ngày 23/3/2023 của UBND thành phố Sông Công;

Thực hiện Thông báo số 84/TB-UBND ngày 30/3/2026 của UBND xã Tân Cương về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1); Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 2);

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 03/4/2026 của Phòng Kinh tế xã Tân Cương và Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II về việc thống nhất giá đất ở bồi thường để thực hiện dự án: Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1 và Khu số 2);

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 25/6/2026 của UBND xã Tân Cương với các cơ quan chuyên môn.

Căn cứ hồ sơ thống kê, kiểm đếm và các giấy tờ pháp lý liên quan;

Sau khi niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1) theo Thông báo số 491/TB-CNTTPTQĐ ngày

26/6/2026. Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II điều chỉnh bổ sung, cụ thể như sau:

1. Số lượng hộ gia đình, cá nhân điều chỉnh dự thảo phương án: 04 hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi thực hiện dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1).

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư điều chỉnh gồm:

2.2. Phương án tái định cư khi Nhà nước thu hồi

2.3. Phương án bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi;

2.4. Bảng tổng hợp số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận.

3. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Thông báo số 491/TB-CNTTPTQĐ ngày 26/6/2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II.

Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II đề nghị UBND xã Tân Cương chỉ đạo cơ quan chuyên môn đăng tải dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên cổng thông tin điện tử của xã.

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II thông báo để UBND, Ủy ban MTTQ xã Tân Cương, xóm Xuân Đãng 2, xã Tân Cương; hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi thực hiện dự án và các đối tượng liên quan biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND xã Tân Cương;
- Ủy ban MTTQ xã Tân Cương;
- Xóm Xuân Đãng 1, Xuân Đãng 2;
- Các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi theo Mục 2 Phần I Thông báo này;
- Lưu: VT, CNTTPTQĐ. Minhdt (10b). #

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lưu Văn Tuyên





2.2. PHƯƠNG ÁN TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 1)

(Phương án kèm Thông báo số 513/TB-CNTTPTQĐ ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, Số định danh pháp nhân, Số định danh hộ gia đình)	Địa chỉ	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Địa điểm	Bồi thường bằng đất ở, đất ở TĐC có thu tiền sử dụng đất				Hỗ trợ tái định cư (Hỗ trợ tiền đủ để được giao một suất tái định cư tối thiểu)		
							Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)		Vị trí	Diện tích (m ²)	Đơn giá theo Nghị Quyết số 33/2025/NQ- HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (đồng/m ²)	Tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Suất TĐC tối thiểu (m ²)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	(9)=(6x8)	-11	-12	-13	-14	(15)=13x14	-16	(17)=16x14	(18)=9-17
	CỘNG				400,0	0		577.600.000	0	0	400,0		1.105.000.000			
1	Nguyễn Văn Quân (SDD: 019068000822) SĐT: Ngô Thị Mai (SDD: 019168000972, SĐT: 0347792568)	xóm Xuân Đặng 2, xã Tân Cương	77(11 9)	106(102(20- II)	400,0	ONT	1.444.000	577.600.000	Tại dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1), xã Tân Cương	Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 35,4m. (Từ cầu vượt Sông Công đến hết ô quy hoạch C.HH11-1), một mặt đường, một mặt thoát	100,0	3.300.000	330.000.000			
										Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 25,5m, C.BT1 hai mặt đường	100,0	2.750.000	275.000.000			
										Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 25,5m, C.BT1, một mặt đường	200,0	2.500.000	500.000.000			
	CỘNG				412,0	-		453.200.000	-	-	400,0		1.105.000.000			

TT	Tên chủ sử dụng (Số Căn danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ khu vực II	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Địa điểm	Bồi thường bằng đất ở, đất ở TĐC có thu tiền sử dụng đất				Hỗ trợ tái định cư (Hỗ trợ tiền đủ để được giao một suất tái định cư tối thiểu)		
							Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)		Vị trí	Diện tích (m ²)	Đơn giá theo Nghị Quyết số 33/2025/NQ- HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (đồng/m ²)	Tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Suất TĐC tối thiểu (m ²)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	(9)=(6x8)	-11	-12	-13	-14	(15)=13x14	-16	(17=16x14)	(18=9-17)
2	Ông Văn An (SDD: 345362003784) - SĐT: 0976799928; Phạm Thị Tiên (SDD: 019162006463	xóm Xuân Đặng 1, xã Tân Cương	488(4 70)	103	306,0		1.100.000	336.600.000	Tại dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1), xã Tân Cương	Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 35,4m. (Từ cầu vượt Sông Công đến hết ô quy hoạch C.HH11-1), một mặt đường	100,0	3.300.000	330.000.000			
			109	103	106,0	ONT	1.100.000	116.600.000		Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 25,5m, C.BT1 hai mặt đường	100,0	2.750.000	275.000.000			
	Phạm Thị Hiền (SDD: 019162006463		109	103	627,8	ONT	1.100.000	690.580.000		Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 25,5m, C.BT1, một mặt đường	200,0	2.500.000	500.000.000			
Cộng tổng					200,0	-		220.000.000	-	-	200,0		580.000.000	-	-	-
3	Ông Văn Trung (SDD: 040096032233) - SĐT: 0976799928 (Ông Văn An được ủy quyền)	Khối 3, Trung Đô, phường Trường Vinh, Nghệ An	164(1 60)	103	200,0	ONT	1.100.000	220.000.000	Tại dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1), xã Tân Cương	Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 35,4m. (Từ cầu vượt Sông Công đến hết ô quy hoạch C.HH11-1), một mặt đường	100,0	3.300.000	330.000.000			
										Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 25,5m, C.BT1, một mặt đường	100,0	2.500.000	250.000.000			

TT	Tên chủ sử dụng (Số căn danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Địa điểm	Bồi thường bằng đất ở, đất ở TĐC có thu tiền sử dụng đất				Hỗ trợ tái định cư (Hỗ trợ tiền đủ để được giao một suất tái định cư tối thiểu)		
							Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)		Vị trí	Diện tích (m ²)	Đơn giá theo Nghị Quyết số 33/2025/NQ- HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (đồng/m ²)	Tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Suất TĐC tối thiểu (m ²)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	(9)=(6x8)	-11	-12	-13	-14	(15)=13x14	-16	(17)=16x14	(18=9-17)
	TỔNG CỘNG				200,0			220.000.000			200,0		580.000.000			
4	Đinh Văn Thế Anh (SĐT: 019092000718) SĐT: 0976799928 (Đinh Văn An được ủy quyền)	xóm Xuân Đãng 1, xã Tân Cương	10(15 9)	103	200,0	ONT	1.100.000	220.000.000	Tại dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1), xã Tân Cương	Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 35,4m. (Từ cầu vượt Sông Công đến hết ô quy hoạch C.HH11-1), một mặt đường	100,0	3.300.000	330.000.000			
										Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 25,5m, C.BT1, một mặt đường	100,0	2.500.000	250.000.000			
TỔNG CỘNG:					1.212,0	-	-	1.470.800.000	-	-	1.200,0		3.370.000.000	-	-	-

2.3. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG BẰNG ĐẤT CÓ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG KHÁC VỚI LOẠI ĐẤT THU HỒI



DỰ ÁN: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH
SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 1)

(Phương án kèm Thông báo số 513 /TB-CNTTPTQĐ ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

ĐVT: Đồng

Số TT	Tên người có đất thu hồi	Vị trí thu hồi đất					Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất được phê duyệt	Trong đó			Bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất theo Điều 3, Quyết định 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026					Số tiền chênh lệch giữa tiền bồi thường đất và tiền sử dụng đất phải nộp		
		Địa chỉ	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BD ĐC)	Diện tích đất thu hồi (m2)	Loại đất		Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Địa chỉ khu đất	Vị trí thửa đất	Diện tích (m2)	Loại đất	Đơn giá theo QĐ số 48/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được nhận	Số tiền phải nộp khi thực hiện thủ tục giao đất
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	13	14	15	16	17	18=14*16	19=8-18	20=8-18
3	Nguyễn Văn Quân (SDD: 015568000822) - SĐT: Ngô Thị Mai (SED:019168000 972, SĐT: 0347792568)	xóm Xuân Đăng 2, xã Tân Cương	77(119)	102	1847,0	CLN	683.390.000	166.230.000	498.690.000	18.470.000	Tại dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1), tại xã Tân Cương	Vị trí ô đất thuộc đoạn đường quy hoạch rộng 25,5m, (C.BT1 - lô 1) một mặt đường	100,0	ONT	2.500.000	250.000.000	2.061.649.000	
					569,1	NTS	210.567.000	51.219.000	153.657.000	5.691.000								
					499,6	CLN	184.852.000	44.964.000	134.892.000	4.996.000								
					3332,0	CLN	1.232.840.000	299.880.000	899.640.000	33.320.000								
					6.247,7	0,0	2.311.649.000	562.293.000	1.686.879.000	62.477.000						250.000.000	2.061.649.000	

Họ tên
đất

Ngày
tháng
năm



2.4. BẢNG TỔNG HỢP SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN

ĐỐI ANH: CÁC KHU DÂN CƯ VÀ KHU CHỨC NĂNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG DU LỊCH SÔNG CÔNG - NÚI CỐC (KHU SỐ 1)

(Phương án kèm Thông báo số 513 /TB-CNTTPTQĐ ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

DVT: đồng DVT: đồng

STT	Tên chủ sử dụng (Số Căn danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)		Tiền bồi thường, hỗ trợ đã phê duyệt (đồng)		Bồi thường bằng đất ở, đất ở TĐC có thu tiền sử dụng đất			Số tiền chênh lệch giữa tiền bồi thường đất ở và tiền sử dụng đất phải nộp		Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)	Số tiền được ghi nợ (nếu có)	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất	Ghi chú
			Đất khác	Đất ở	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt	Trong đó	Diện tích (m2)	Đơn giá theo NQ số 33/NQ- HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được nhận	Số tiền phải nộp khi thực hiện thủ tục giao đất				
						Bồi thường về đất									
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	(10)=(8x9)	(17)=(7)- (10)	(18)=(10)+(16)- (7)	-19	-20	(21)=(6-7)	-12
1	Nguyễn Văn Quân (SĐT: 019068000822) - SĐT: Ngô Thị Mai (SĐT: 019168000972, SĐT: 0347792568)	xóm Xuân Đặng 2, xã Tân Cương	6.247,7	400,0	4.820.863.400	1.139.893.000	100,0	3.300.000	330.000.000		215.107.000			3.680.970.400	Di chuyển chỗ ở
	100,0	2.750.000					275.000.000								
	200,0	2.500.000					500.000.000								
	100,0	2.500.000					250.000.000								
	CỘNG		6.247,7	400,0	4.820.863.400	1.139.893.000	500,0	11.050.000	1.355.000.000	-	215.107.000	-	-	3.680.970.400	
2	Đinh Văn An (SĐT: 019062003784) - SĐT: 0975799928; Phạm Thị Hiền (SĐT: 019162006463	xóm Xuân Đặng 1, xã Tân Cương	1.340,0	106,0	4.427.629.800	208.822.000	100,0	3.300.000	330.000.000		121.178.000			3.850.257.800	Di chuyển chỗ ở
						100,0	2.750.000	275.000.000							
	Phạm Thị Hiền (SĐT: 019162006463		306,0	368.550.000		100,0	2.750.000	275.000.000		406.450.000					

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)		Tiền bồi thường, hỗ trợ đã phê duyệt (đồng)		Bồi thường bằng đất ở, đất ở TĐC có thu tiền sử dụng đất			Số tiền chênh lệch giữa tiền bồi thường đất ở và tiền sử dụng đất phải nộp		Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)	Số tiền được ghi nợ (nếu có)	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất	Ghi chú
			Đất khác	Đất ở	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt	Trong đó Bồi thường về đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá theo NQ số 33/NQ- HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được nhận	Số tiền phải nộp khi thực hiện thủ tục giao đất				
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	(10)=(8x9)	(17)=(7)-(10)	(18)=(10)+(16)-(7)	-19	-20	(21)=(6-7)	-12
	CỘNG		1.340,0	412,0	4.427.629.800	577.372.000	400,0	8.550.000	1.105.000.000	-	527.628.000	-	-	3.850.257.800	
3	Đình Văn Trung (SDD: 040096032233) - SĐT: 0976799928 (Đình Văn An được uỷ quyền)	Khối 3, Trung Đô, phường Trường Vinh, Nghệ		200,0	220.000.000	220.000.000	100,0	3.300.000	330.000.000		340.000.000			0	Không di chuyển chỗ ở
							100,0	2.300.000	230.000.000						
	CỘNG		-	200,0	220.000.000	220.000.000	200,0		560.000.000		340.000.000				
4	Đình Văn Thế Anh (SDD: 019092000718) - SĐT: 0976799928 (Đình Văn An được uỷ quyền)	xóm Xuân Đăng 1, xã Tân Cương		200,0	922.887.500	335.893.000	100,0	3.300.000	330.000.000		244.107.000			586.994.500	(chung khẩu hộ Đình Văn An)
							100,0	2.500.000	250.000.000						
	CỘNG		-	200,0	922.887.500	335.893.000	200,0		580.000.000		244.107.000				
A	TỔNG CỘNG:		7.587,7	1.212,0	10.391.380.700	2.273.158.000	1.300,0		3.560.000.000	-	1.286.842.000	-	-	8.118.222.700	-